

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Phương Thanh
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN VIỄN THÔNG DI ĐỘNG THÔNG MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Phương Thanh
Giảng viên hướng dẫn : Ths. Ninh Thị Thùy Trang**

HẢI PHÒNG - 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Phương Thanh Mã SV: 1412401198

Lớp: QT1803K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu.
 - Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.
 - Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.
 - Số liệu năm 2017
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.
Địa chỉ : Chi nhánh 12 Điện Biên Phủ - Hải phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Ninh Thị Thùy Trang*

Học hàm, học vị: *Thạc sĩ*

Cơ quan công tác: *Trường đại học dân lập Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh.*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Phạm Thị Phương Thanh

ThS.Ninh Thị Thùy Trang

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2018

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC	3
1.1. Doanh thu và kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	3
1.1.2. Kế toán doanh thu	3
1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu	3
1.1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. (theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)	4
1.1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính	6
1.1.2.4. Thu nhập khác	8
1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	10
1.2.1. Khái niệm về chi phí	10
1.2.2. Kế toán chi phí	10
1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phí	10
1.2.2.2. Chi phí giá vốn hàng bán	11
1.2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh	15
1.2.2.4. Chi phí tài chính	18
1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác	21
1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh	23
1.3.1. Khái niệm	23
1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh	23
1.3.3. Chứng từ sử dụng	24
1.3.4. Tài khoản sử dụng	24
1.3.5. Sơ đồ hạch toán	24
1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	25
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG DI ĐỘNG THÔNG MINH	27
2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh	27
2.1.1. Giới thiệu về Công ty cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh	27

2.1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	27
2.1.1.3 Những thành tích đã đạt được.....	29
2.1.2. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh.....	31
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.....	34
2.1.3.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán.....	34
2.1.3.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.....	35
2.1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh	35
2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh	36
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh	36
2.2.1.1 Chính sách ghi nhận doanh thu tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.....	36
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng	37
2.2.1.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	39
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh.....	46
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:	46
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.....	48
2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CP viễn thông di động Thông Minh.....	55
2.2.4 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty CP viễn thông di động Thông Minh	60
2.2.5 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.....	61
2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:	61
2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.....	61
2.2.5.3 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	62
2.2.6 Kế toán thu nhập khác tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh .	70
2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	71
2.2.6.2. Tài khoản sử dụng	71

2.2.7 Kế toán chi phí khác tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh ...	76
2.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	76
2.2.7.2. Tài khoản sử dụng	76
2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh	80
2.2.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	80
2.2.8.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng	80
2.2.8.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh.....	81
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VIỄN THÔNG DI ĐỘNG THÔNG MINH..	87
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh	87
3.1.1. Ưu điểm của công ty.....	87
3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh.....	88
3.1.2.1 Về kế toán bán hàng	88
3.1.2.2 Về quản lý công nợ.....	88
3.1.2.3 Về hệ thống các tài khoản chi tiết	88
3.1.2.4 Về trích lập các khoản dự phòng.....	89
3.1.2.5 Về bộ máy kế toán.....	89
3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện và nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông di động thông Minh.....	89
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	89
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện	90
3.3. Các giải pháp hoàn thiện	91
3.3.1. Về kế toán doanh thu	91
3.3.2. Về quản lý công nợ.....	92
3.3.3. Về hệ thống tài khoản chi tiết.....	92
3.3.4. Về vấn đề trích lập dự phòng	95
3.3.5. Về bộ máy kế toán.....	96
3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp.....	97
KẾT LUẬN	99

LỜI MỞ ĐẦU

Chìa khóa dẫn đến những con đường thành công, khả năng tồn tại lâu dài của một doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp đó có được sự phối hợp hoạt động một cách nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận cấu thành. Thiếu đi bất kỳ một bộ phận nào hay khi nó hoạt động chưa hiệu quả đều dẫn tới những hệ lụy xấu cho kết quả hoạt động của Doanh nghiệp. Kế toán chính là một phần trong số đó. Bộ máy kế toán luôn được coi là cánh tay phải đắc lực, là cơ sở quan trọng để lãnh đạo của Doanh nghiệp đưa ra các quyết định quản lý. Trong hoạt động kế toán bao gồm nhiều phân hành cụ thể như: kế toán TSCĐ, kế toán tiền lương, kế toán thuế, kế toán tiền mặt...Đối với Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh, hoạt động chủ yếu của công ty là trong lĩnh vực thương mại thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính là mảng lớn nhất, quan trọng nhất của công ty.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là nơi đưa ra các số liệu của Công ty liên quan đến các chỉ tiêu như Giá vốn hàng bán, Doanh thu tiêu thụ, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế...Đây là các chỉ tiêu quan trọng trong báo cáo tài chính, là cơ sở để đưa ra các quyết định đối với cả ban quản lý Công ty cũng như các cổ đông. Chính vì thế, hoạt động kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn đòi hỏi tính trung thực, chính xác, đầy đủ.

Sau 03 tháng được thực tập tại Công ty Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh, em nhìn thấy được sự quan trọng của công tác kế toán nói chung và đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng, vì vậy em quyết định chọn đề tài: **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh**. Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 phần:

Phần 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Phần 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh.

Phần 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh.

Trong thời gian thực hiện khóa luận em luôn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Ban Giám đốc, các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng sự hướng dẫn của cô giáo – ThS. Ninh Thị Thùy Trang. Tuy nhiên do hạn hẹp về mặt thời gian thực tập cũng như kiến thức, hiểu biết của bản thân chưa đầy đủ, bài viết của em chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của cô giáo cũng như các cô chú, anh chị trong công ty để bài viết của em ngày một hoàn thiện hơn.

Em xin trân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ THEO THÔNG TƯ 133/2016/TT-BTC

1.1. Doanh thu và kế toán doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.1.1. Khái niệm về doanh thu

Doanh thu là là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba, ví dụ;

- Các loại thuế gián thu (thuế GTGT, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường) phải nộp;
- Số tiền người bán hàng đại lý thu hộ bên chủ hàng do bán hàng đại lý;
- Các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán đơn vị không được hưởng;
- Các trường hợp khác.

Có các loại doanh thu như: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu khác.

1.1.2. Kế toán doanh thu

1.1.2.1. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu và chi phí tạo ra khoản doanh thu đó phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán thì kế toán phải căn cứ vào bản chất giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.
- Doanh thu, lãi hoặc lỗ chỉ được coi là chưa thực hiện nếu doanh nghiệp còn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong tương lai (trừ nghĩa vụ bảo hành thông thường) và chưa chắc chắn thu được lợi ích kinh tế. Việc phân loại các khoản lãi, lỗ là thực hiện hoặc chưa thực hiện không phụ thuộc vào việc đã phát sinh dòng tiền hay chưa. Các khoản lãi, lỗ phát sinh do đánh giá lại tài sản, nợ phải trả không được coi là chưa thực hiện do tại thời điểm đánh giá lại, đơn vị đã có quyền đối với tài sản và đã có nghĩa vụ nợ hiện tại đối với các khoản nợ phải trả
- Doanh thu không bao gồm các khoản thu hộ bên thứ ba.

- Thời điểm, căn cứ để ghi nhận doanh thu kế toán và doanh thu tính thuế có thể khác nhau tùy vào từng tình huống cụ thể. Doanh thu tính thuế chỉ được sử dụng để xác định số thuế phải nộp theo đúng quy định của pháp luật. Doanh thu ghi nhận trên sổ kế toán để lập Báo cáo tài chính phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán và tùy theo từng trường hợp không nhất thiết phải bằng số đã ghi trên hóa đơn bán hàng.

- Doanh thu được ghi nhận chỉ bao gồm doanh thu của kỳ báo cáo. Các tài khoản phản ánh doanh thu không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. (theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

✓ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ có 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111 – Doanh thu bán hàng hóa.

TK 5112 – Doanh thu bán thành phẩm.

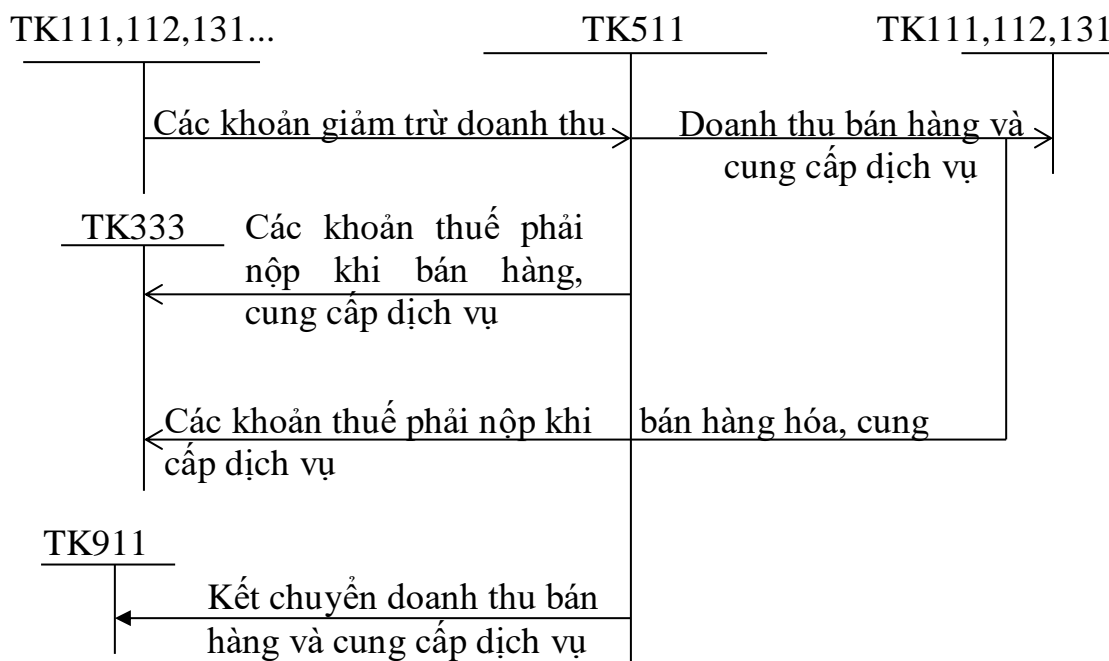
TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK5118 – Doanh thu khác.

✓ Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Không có số dư cuối kỳ bên nợ		Không có số dư cuối kỳ bên nợ có

- Chứng từ sử dụng:
Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán kế toán doanh thu sử dụng các chứng từ kế toán như sau:
 - Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
 - Hóa đơn giá trị gia tăng, biên bản giao nhận.
 - Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có của ngân hàng, séc thanh toán...
 - Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...
- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- ✓ Cách hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ) theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính
 - Chiết khấu thương mại: là khoản người bán giảm trừ cho người mua khi người mua với số lượng lớn hoặc mua đạt được một doanh số nào đó. Hoặc theo chính sách kích thích bán hàng của doanh nghiệp trong từng giai đoạn.
 - Hàng bán bị trả lại: Cũng là một khoản làm giảm doanh thu bán hàng của doanh nghiệp trong kỳ. Hàng bán bị trả lại trong trường hợp doanh nghiệp cung cấp hàng hóa sai quy cách, phẩm chất, kích cỡ... so với hợp đồng kinh tế.
 - Giảm giá hàng bán: Doanh nghiệp giảm giá hàng bán khi hàng của doanh nghiệp gần hết hạn, doanh nghiệp muốn tiêu thụ hết hàng tồn kho ... Giảm giá

hàng bán cũng làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm.

* Cách hạch toán:

Doanh nghiệp chiết khấu thương mại cho khách hàng:

Nợ TK 511: Phần chiết khấu cho khách hàng chưa thuế GTGT

Nợ TK 333: Phần thuế GTGT trên giá trị hàng chiết khấu cho khách hàng.

Có TK 131: Tổng giá trị chiết khấu cho khách hàng.

Doanh nghiệp giảm giá hàng bán cho khách hàng

Nợ TK 511: Giá trị giảm giá hàng bán cho khách hàng chưa có thuế

GTGT

Nợ TK 333: Phần thuế GTGT trên giá trị giảm giá hàng bán

Có TK 131: Tổng giá trị giảm giá hàng bán.

Doanh nghiệp chấp nhận nhận lại hàng đã bán

Nợ Tk 511: Giá trị hàng đã bán bị trả lại chưa có thuế GTGT

Nợ TK 333: Phần thuế GTGT của số hàng đã bán bị trả lại

Có TK 131: Tổng giá trị hàng bán bị trả lại.

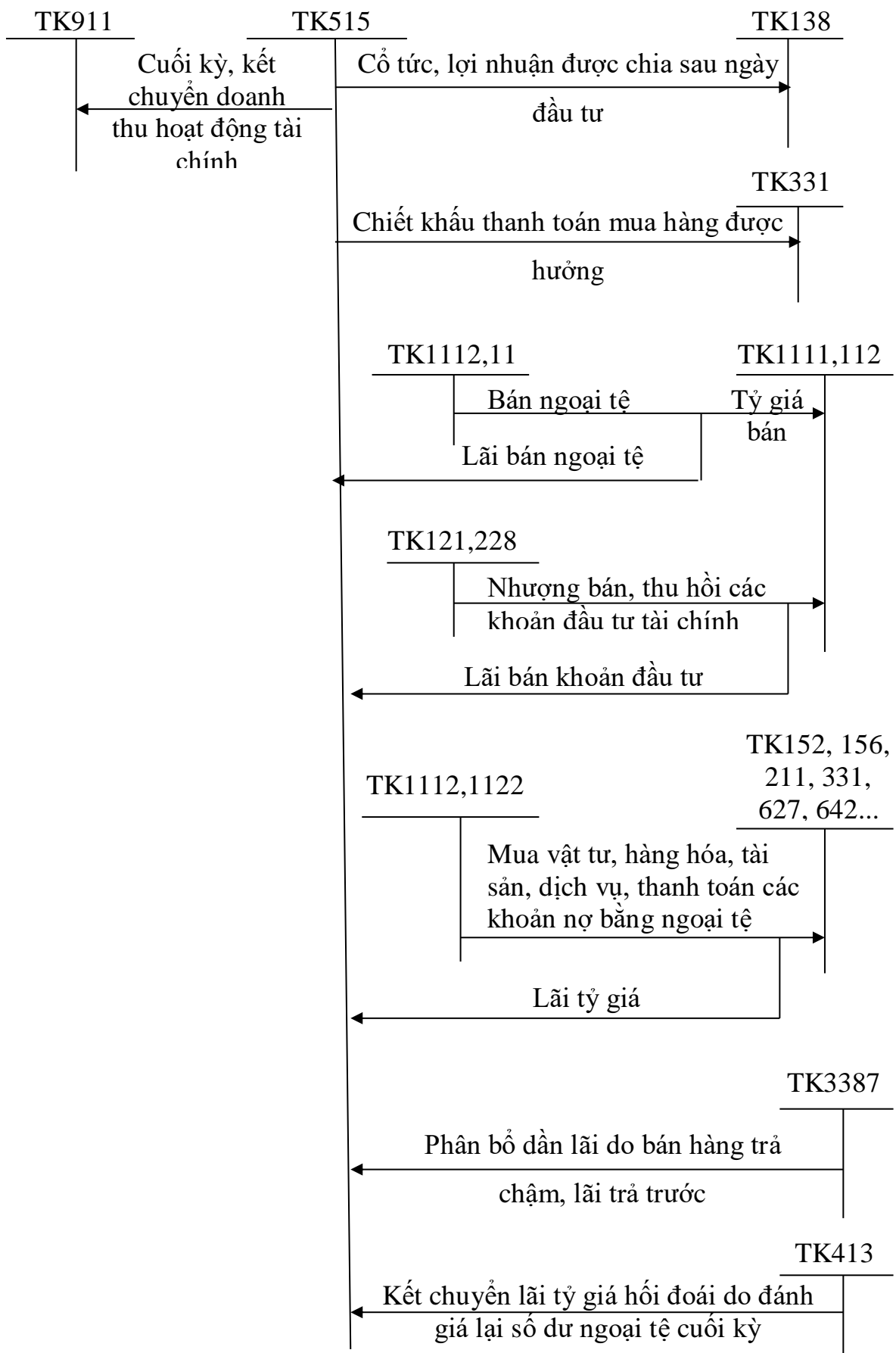
1.1.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Tài khoản sử dụng: Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh” 		<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ
Không có số dư cuối kỳ bên nợ		Không có số dư cuối kỳ bên có

- Chứng từ sử dụng:
 - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng.
 - Bản sao kê của ngân hàng.
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác.

• Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.1.2.4. Thu nhập khác

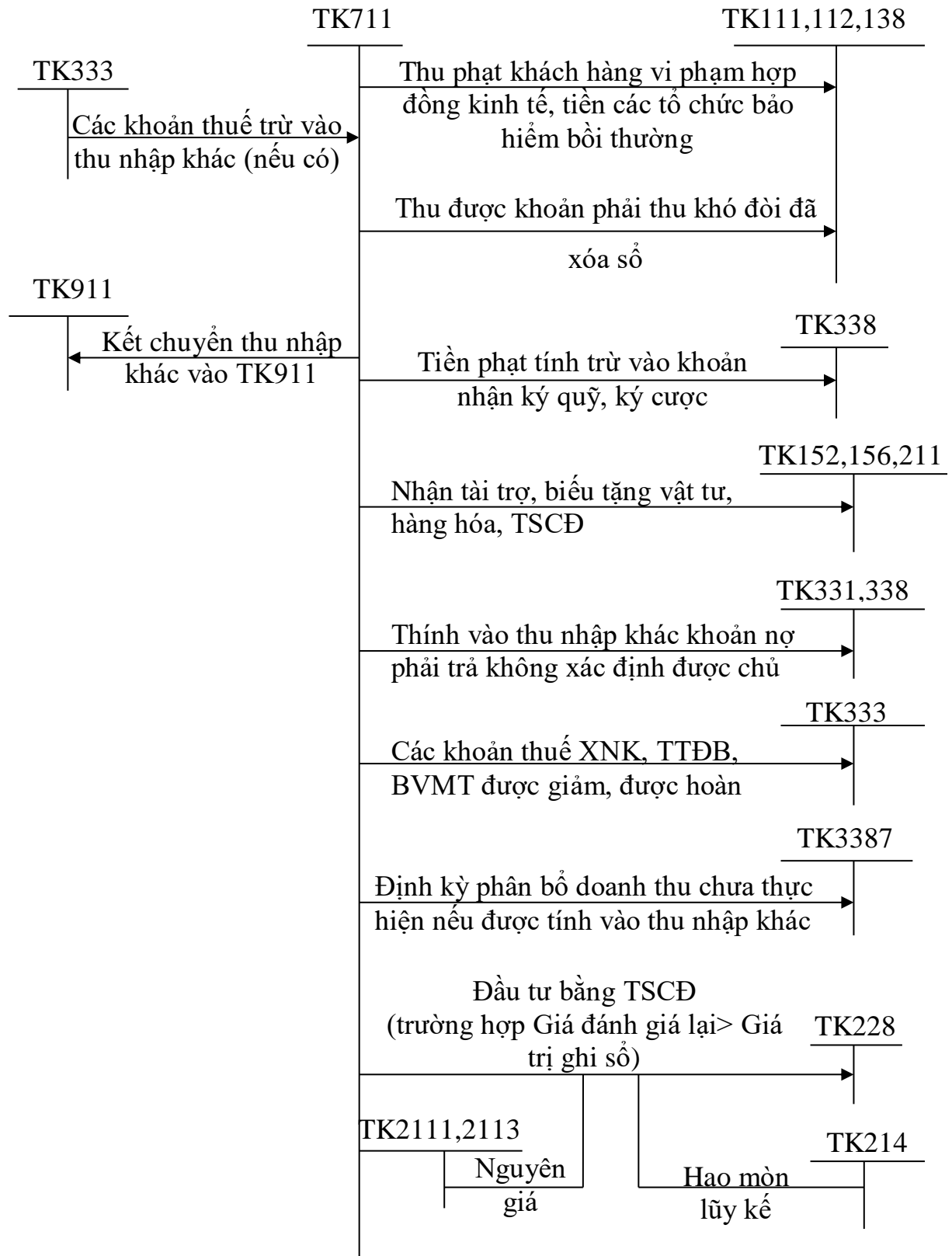
- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711: Thu nhập khác

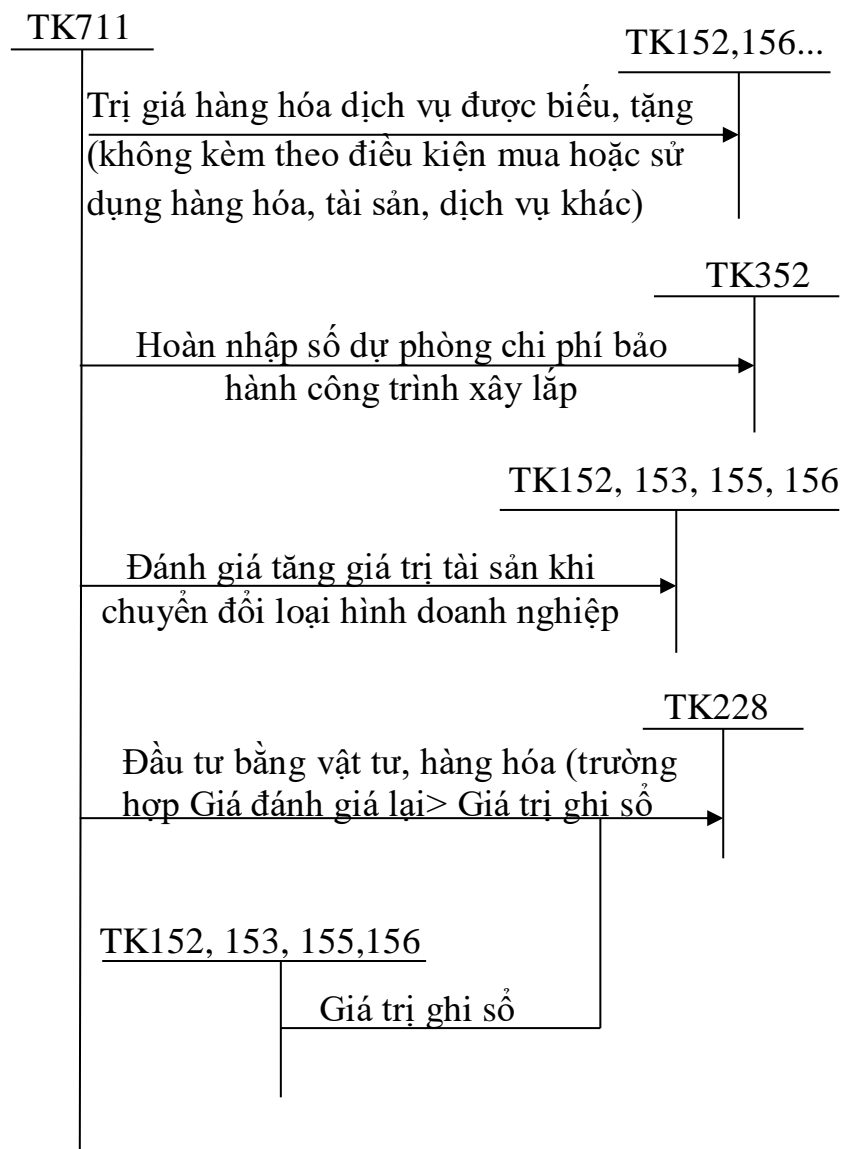
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp - Kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ 	
Không có số dư cuối kỳ bên nợ		Không có số dư cuối kỳ bên có

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu thu
 - Giấy báo Có của ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
 - Các chứng từ khác có liên quan...
- Sơ đồ hạch toán:



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác (tiếp)

1.2. Chi phí và kế toán chi phí trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1. Khái niệm về chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí khác.

1.2.2. Kế toán chi phí

1.2.2.1. Nguyên tắc kế toán chi phí

✓ Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản đó nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo

nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất của giao dịch để phản ánh một cách trung thực, hợp lý.

✓ Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố, tiền lương, nguyên vật liệu, chi phí mua ngoài, khấu hao TSCĐ...

✓ Các khoản chi phí không được coi là chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

✓ Các khoản phản ánh chi phí không có số dư, cuối kỳ kế toán phải kết chuyển tất cả các khoản chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

1.2.2.2. Chi phí giá vốn hàng bán

❖ Các phương pháp xác định giá vốn

- Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp này giá xuất kho hàng hóa được tính theo đơn giá bình quân

$$\text{Giá thực tế NVL, hàng hóa xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}}$$

- Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Nhập trong kỳ}}$$

- Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn đầu kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO): hàng hóa nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng lần nhập. Do vậy hàng hóa tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu mua vào trong kỳ

- Phương pháp thực tế đích danh: theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính.

- Phương pháp tính giá bán lẻ: Doanh nghiệp áp dụng kỹ thuật tính giá bán lẻ phải thỏa mãn cả 2 điều kiện sau:

➤ Các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực siêu thị hoặc tương tự bởi vì số lượng hàng hóa được bán ra trong ngày rất nhiều, nếu sau lần xuất hàng lại làm bút toán hạch toán giá vốn thì sẽ không kịp ghi nhận các bút toán này.

➤ Các doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

- Cách tính giá hàng tồn kho theo phương pháp tính giá bán lẻ

Giá trị xuất kho của hàng hóa = Giá bán hàng tồn kho – Lợi nhuận biên.

+ Giá bán hàng tồn kho: Giá gốc hàng tồn kho x tỷ lệ % lợi nhuận định mức.

Tỷ lệ này tùy từng thời điểm, từng mặt hàng được quy định khác nhau, phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận biên: Mỗi mặt hàng có một tỷ lệ % lợi nhuận biên khác nhau.

❖ Tài khoản sử dụng: Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

❖ Kết cấu tài khoản: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

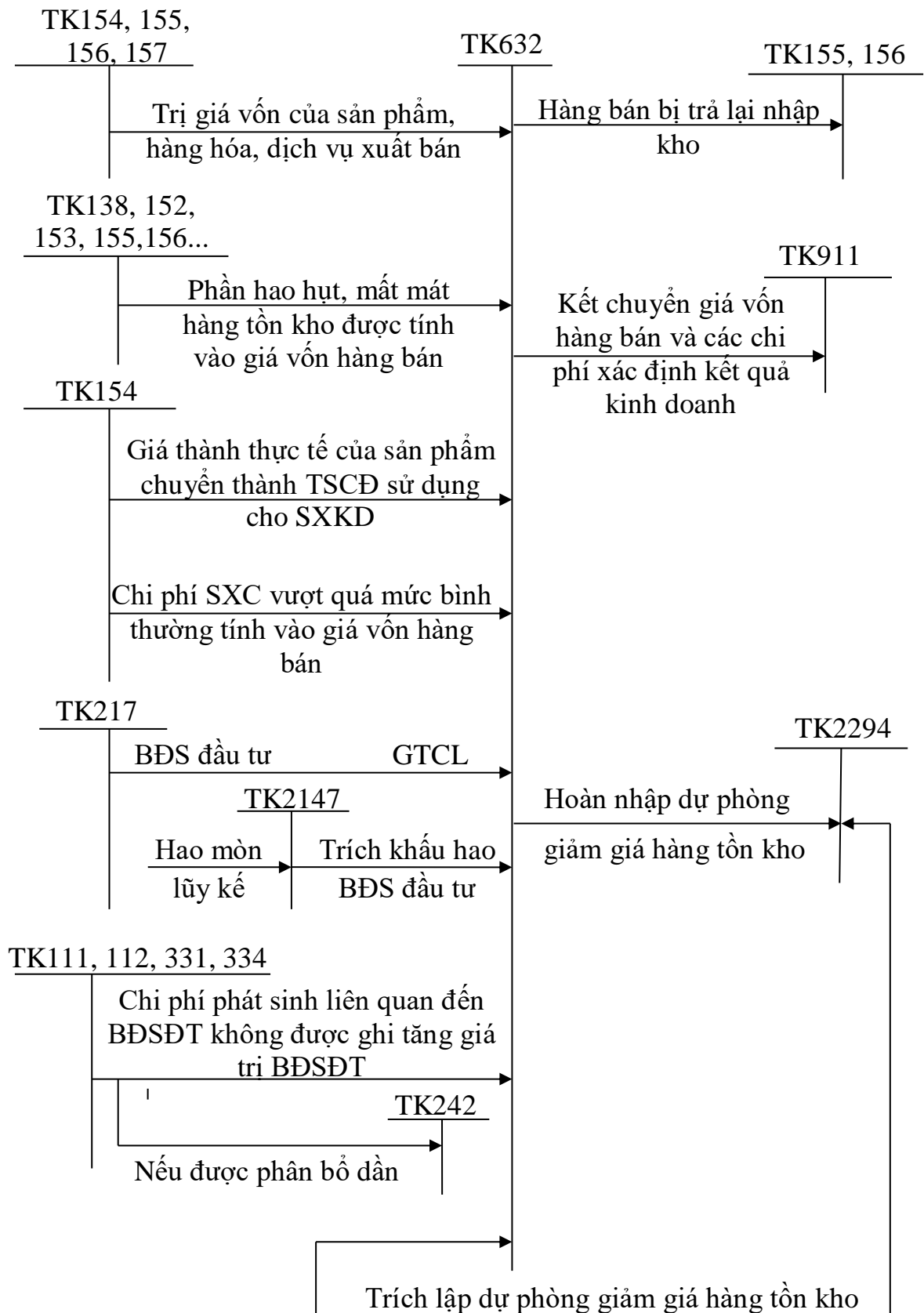
Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh phản ánh: + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). • Đối với hoạt động kinh doanh 		<ul style="list-style-type: none"> • Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” • Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. • Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh). • Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ. • Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá

<p>BĐSDT, phản ánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ. + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT. + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán , thanh lý trong kỳ. + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá + Chi phí trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán. 	<p>khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại
<p>Không có số dư cuối kỳ bên nợ</p>	<p>Không có số dư cuối kỳ bên có</p>

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn mua hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho

❖ Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán
(Theo phương pháp kê khai thường xuyên)

1.2.2.3. Chi phí quản lý kinh doanh

- Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh có 2 tài khoản cấp 2:

TK 6421 – Chi phí bán hàng

TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

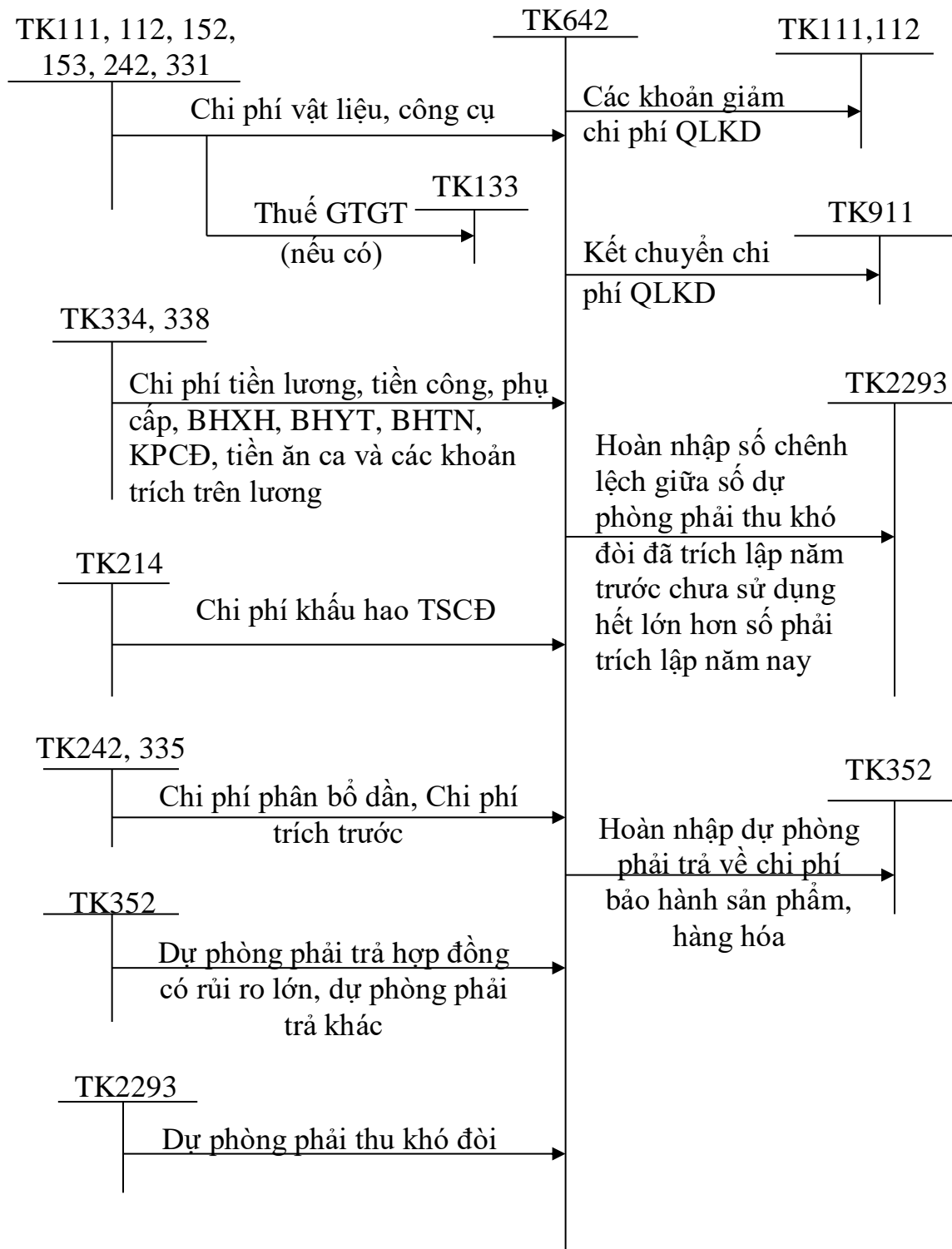
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản được ghi giảm chi phí kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) - kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

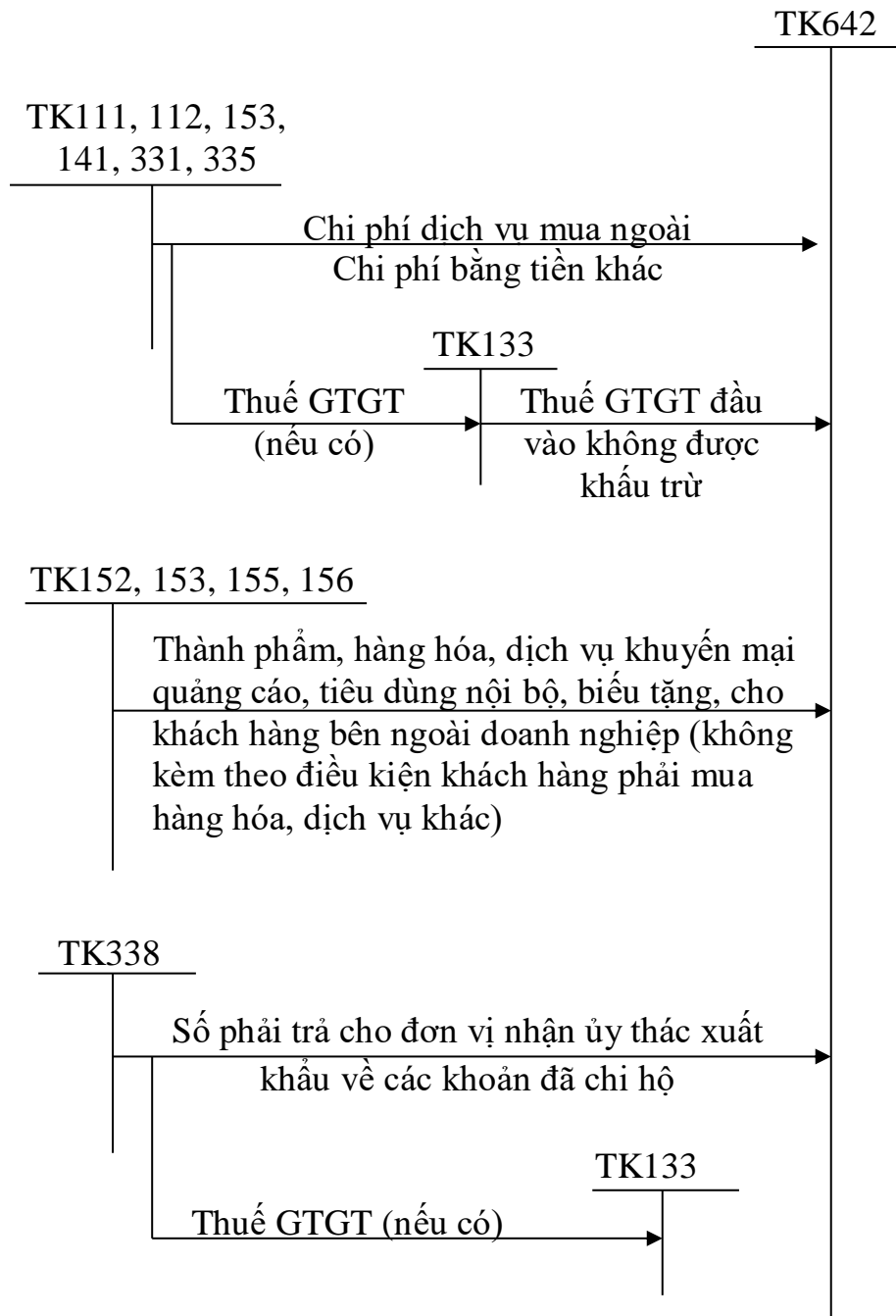
- Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và bảo hiểm.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Hoa đơn GTGT.
- Phiếu chi, giấy báo nợ.
- Các chứng từ có liên quan khác.

- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



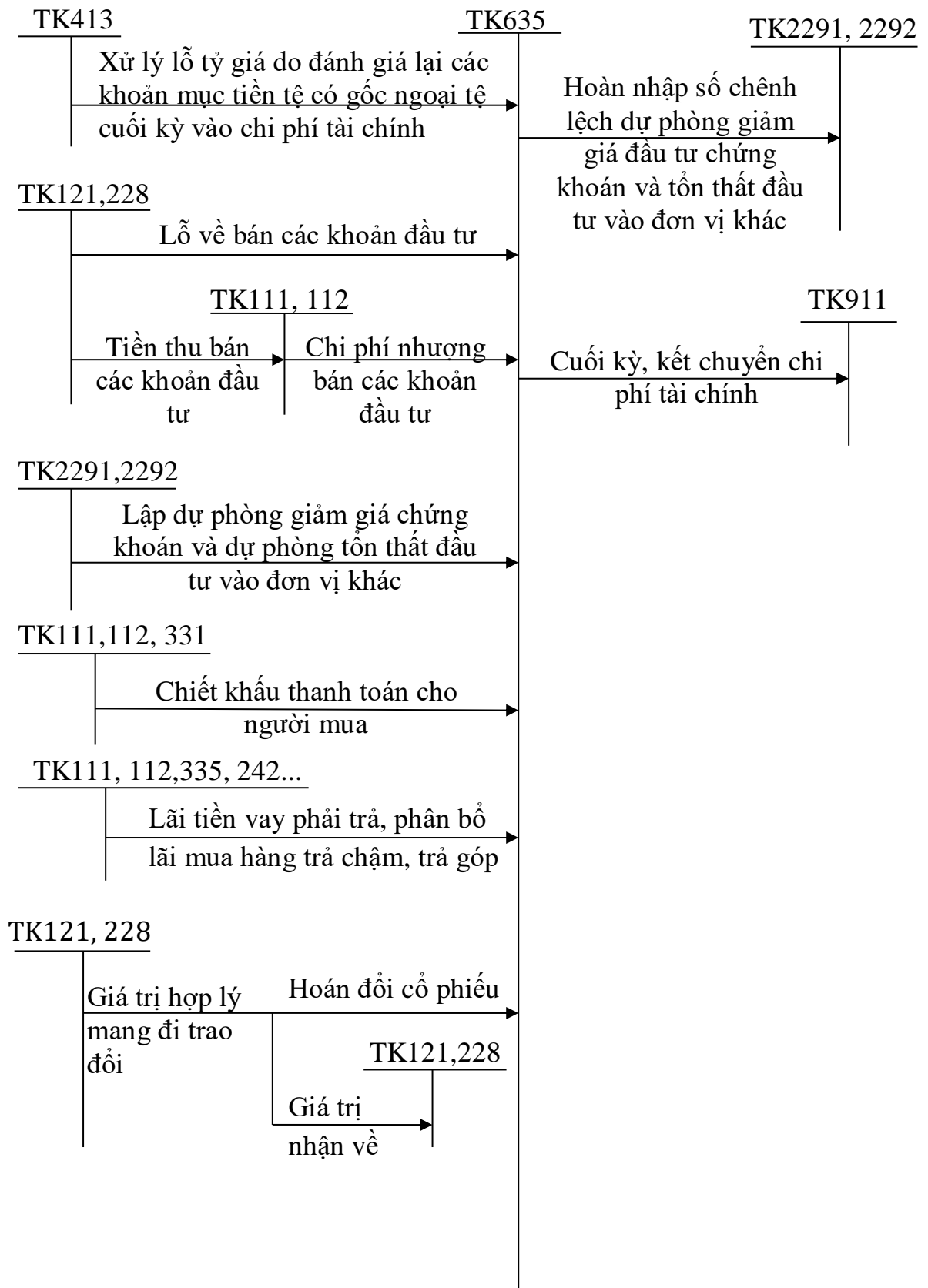
Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh (tiếp)

1.2.2.4. Chi phí tài chính

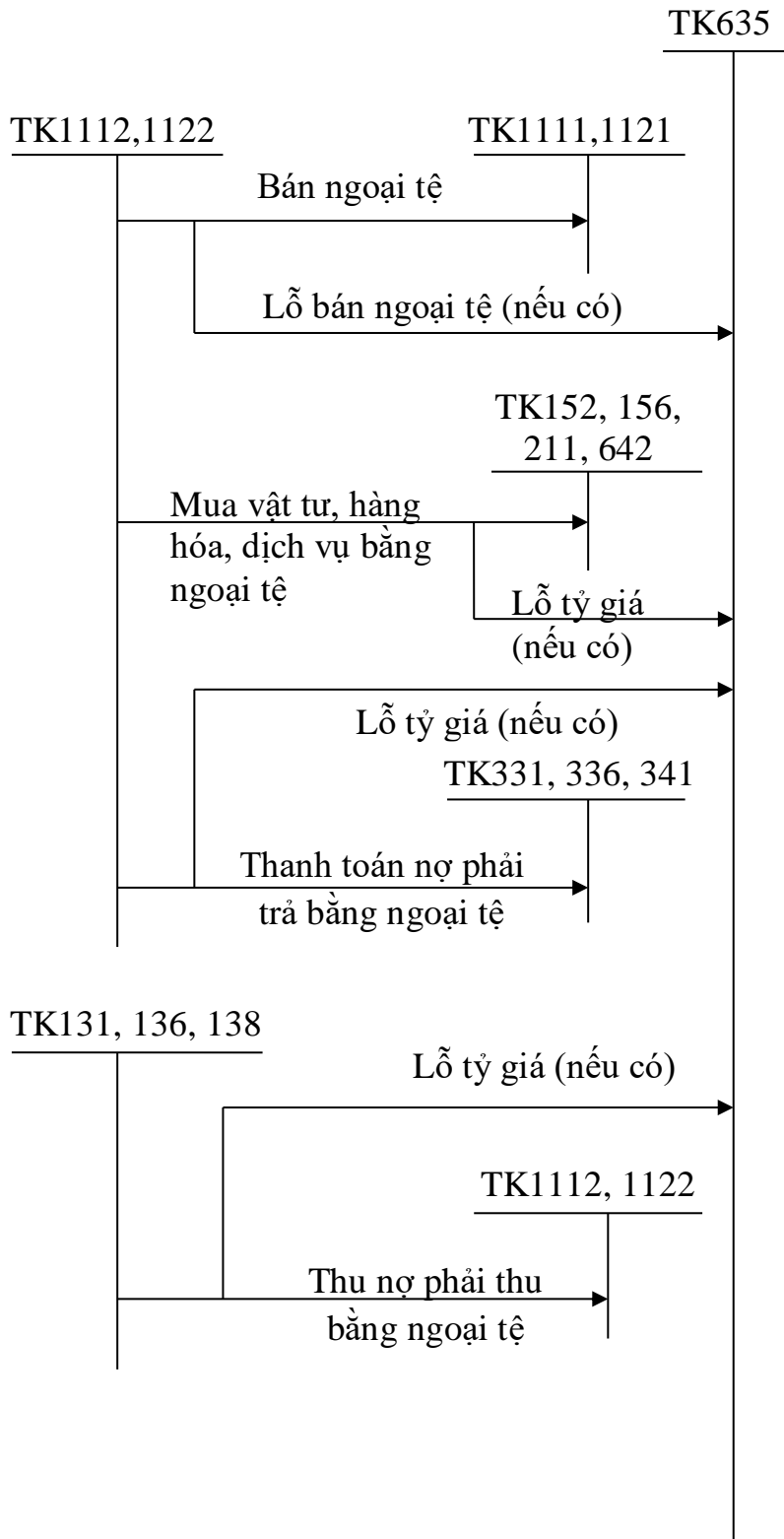
- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Các khoản tài chính phát sinh trong kỳ • Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước) 	<ul style="list-style-type: none"> • Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết) • Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính • Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Không có số dư cuối kỳ bên nợ		Không có số dư cuối kỳ bên có

- Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo lãi, Giấy báo Có của ngân hàng
 - Bản sao kê của ngân hàng
 - Phiếu kế toán
 - Phiếu thu và các chứng từ có liên quan khác
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính



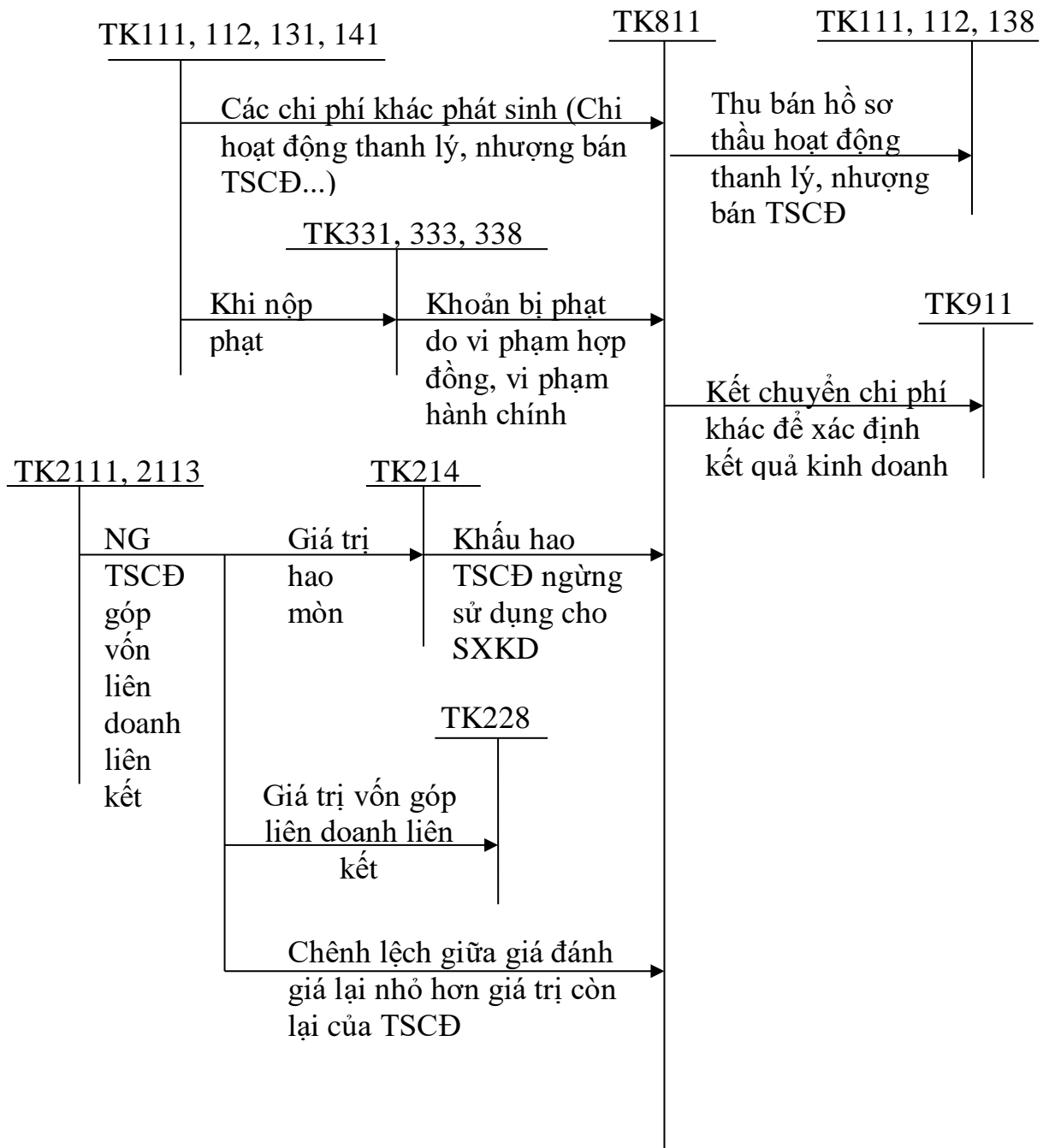
Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí tài chính (tiếp)

1.2.2.5. Chi phí hoạt động khác

- Tài khoản sử dụng
Tài khoản 811 – Chi phí khác
- Kết cấu tài khoản

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”	
Không có số dư cuối kỳ bên nợ		Không có số dư cuối kỳ bên có

- Chứng từ sử dụng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo Nợ củ ngân hàng
 - Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí khác

1.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

1.3.1. Khái niệm

Là kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- Kết của hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu thuần = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh = Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lợi nhuận từ hoạt động khác = Thu nhập từ hoạt động khác - Chi phí hoạt động khác

Lợi nhuận kế toán trước thuế = **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** - **Lợi nhuận từ hoạt động khác**

1.3.3. Chứng từ sử dụng

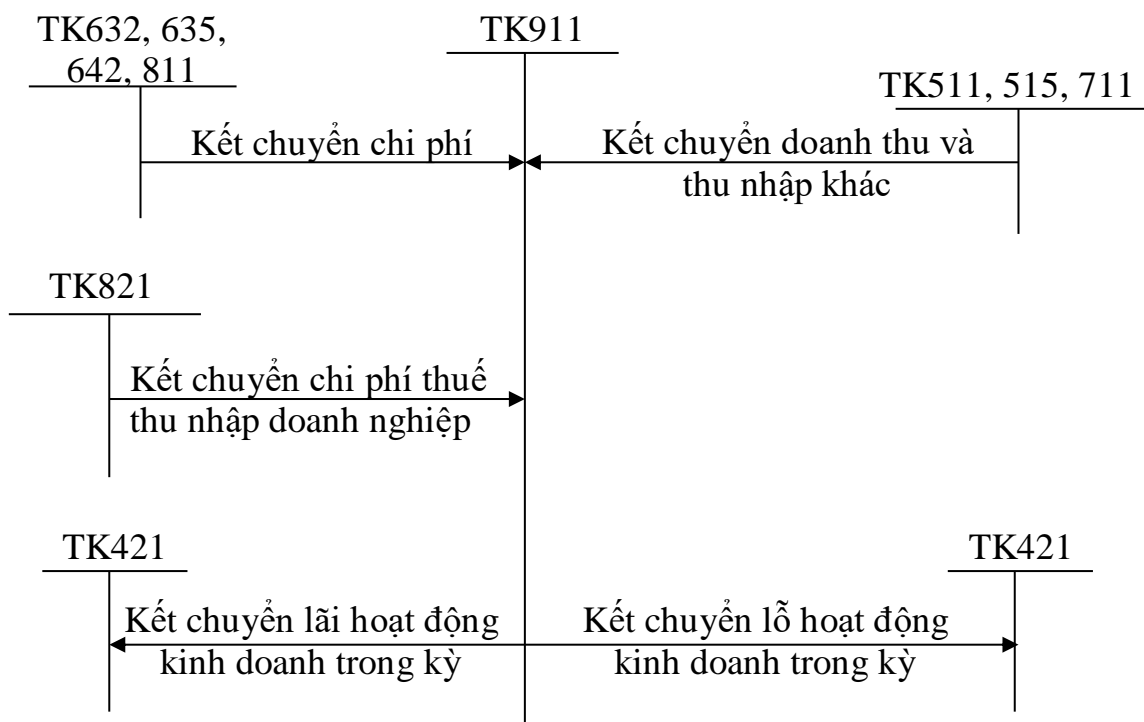
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác liên quan

1.3.4. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> • Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán • Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác • Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp • Kết chuyển lãi 		<ul style="list-style-type: none"> • Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ • Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp • Kết chuyển lỗ
Không có số dư cuối kỳ bên nợ		Không có số dư cuối kỳ bên có

1.3.5. Sơ đồ hạch toán



Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4. Các hình thức, sổ kế toán sử dụng trong kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a. Sổ kế toán

- Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu giữ toàn bộ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đã phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian có liên quan đến doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ có một hệ thống sổ kế toán cho một kỳ kế toán. Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thực hiện các quy định về sổ kế toán trong Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Tùy theo đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý, doanh nghiệp được tự xây dựng hình thức ghi sổ kế toán cho riêng mình trên cơ sở đảm bảo thông tin về các giao dịch phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, dễ kiểm tra, kiểm soát và đối chiếu.

b. Trách nhiệm của người giữ và ghi sổ kế toán

Sổ kế toán phải được quản lý chặt chẽ, phân công rõ ràng trách nhiệm cá nhân giữ và ghi sổ. Sổ kế toán giao cho nhân viên nào thì nhân viên đó phải chịu trách nhiệm về những điều ghi trong sổ và việc giữ sổ trong suốt thời gian dùng sổ. Khi có sự thay đổi nhân viên giữ và ghi sổ, kế toán trưởng phải tổ chức việc bàn giao trách nhiệm quản lý và ghi sổ kế toán giữa nhân viên cũ và nhân viên mới. Biên bản bàn giao phải được kế toán trưởng ký xác nhận.

c. Mở, ghi sổ kế toán, chữ ký và sửa chữa sổ kế toán

(1) Mở sổ

Sổ kế toán phải mở vào đầu kỳ kế toán năm. Đối với doanh nghiệp mới thành lập, sổ kế toán phải mở từ ngày thành lập. Người đại diện theo pháp luật và kế toán trưởng của doanh nghiệp có trách nhiệm ký duyệt các sổ kế toán. Sổ kế toán có thể đóng thành quyển hoặc để tờ rời. Các tờ sổ khi dùng xong phải đóng thành quyển để lưu trữ. Trước khi dùng sổ kế toán phải hoàn thiện các thủ tục sau:

- Đối với sổ kế toán dạng quyển: Trang đầu sổ phải ghi rõ tên doanh nghiệp, tên sổ, ngày mở sổ, niên độ kế toán và kỳ ghi sổ, họ tên, chữ ký của người giữ và ghi sổ, của kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật, ngày kết thúc ghi sổ hoặc ngày chuyển giao cho người khác. Sổ kế toán phải đánh số trang từ trang đầu đến trang cuối, giữa hai trang sổ phải đóng dấu giáp lai của đơn vị kế toán.

- Đối với sổ từ rời: Đầu mỗi sổ từ rời phải ghi rõ tên doanh nghiệp, số thứ tự của từng tờ sổ, tên sổ, tháng sử dụng, họ tên người giữ và ghi sổ. Các tờ rời trước khi dùng phải được giám đốc doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền ký xác nhận, đóng dấu và ghi vào sổ đăng ký sử dụng sổ từ rời. Các sổ từ rời phải được sắp xếp theo thứ tự các tài khoản kế toán và phải đảm bảo sự an toàn, dễ tìm.
- (2) Ghi sổ: Việc ghi sổ kế toán phải căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra bảo đảm các quy định về chứng từ kế toán. Mọi số liệu ghi trên sổ kế toán bắt buộc phải có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lý chứng minh.
- (3) Khóa sổ: Cuối kỳ kế toán phải khóa sổ kế toán trước khi lập Báo cáo tài chính. Ngoài ra phải khóa sổ kế toán trong các trường hợp kiểm kê hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- (4) Đối với người ghi sổ thuộc các đơn vị dịch vụ kế toán phải ký và ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người ghi sổ kế toán là cá nhân hành nghề ghi rõ số chứng chỉ hành nghề.
- (5) Khi phát hiện sổ kế toán của kỳ báo cáo có sai sót thì phải sửa chữa bằng phương pháp phù hợp với quy định của Luật Kế toán.
- (6) Trường hợp phát hiện sai sót trong các kỳ trước, doanh nghiệp phải điều chỉnh hồi tố.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG DI ĐỘNG THÔNG MINH

2.1. Tổng quan về Công ty cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh

2.1.1. Giới thiệu về Công ty cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh

2.1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Viễn Thông Di Động Thông Minh được thành lập theo giấy phép Giấy phép đăng ký kinh doanh số : 0105815899 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2012 và thay đổi đăng ký lần hai vào ngày 04/11/2013 với số vốn ban đầu là 5 tỷ đồng (xấp xỉ 280,000 USD) được đóng góp bởi 03 cổ đông.

Mã số thuế : 0105815899

Tài khoản số : 10 2010 000 441 412

Đơn vị hưởng séc : Công ty Cổ phần Viễn Thông Di Động Thông Minh

Địa chỉ trụ sở chính: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0280 3 757 086

Fax: 0280 3750 326

Email: cpvtdidtm@hn.vnn.vn

Website: www.didongthongminh.com.vn

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức : Công ty cổ phần – tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cở sở 1: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Cơ sở 2 : 12 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Hệ thống bán lẻ di động thông minh toàn quốc là những điểm đến tin cậy của người tiêu dùng thông minh thông thái bắt nguồn từ diễn đàn mua www.tinhte.vn diễn đàn công nghệ lớn nhất Việt Nam. Di động thông minh là thương hiệu đã được bảo hộ bởi Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh. Được sự ủng hộ của dân chơi công nghệ tinh tế lên đến 2000 trang (40,000 lời bình luận) và gần 1,7 lượt views.

2.1.1.2 Đặc điểm sản phẩm và thị trường

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

Ngành nghề kinh doanh, và chức năng nhiệm vụ của công ty đã được quy định cụ thể trong Giấy phép kinh doanh. Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần Viễn thông Di Động Thông Minh đã phát triển hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)
1	Buôn bán các sản phẩm điện tử, công nghệ cao	85590
2	Dịch vụ tin học sửa chữa những thiết bị công nghệ	6209
5	Sản xuất phần mềm tin học	6201
6	Lắp ráp máy vi tính	2620

b. Danh mục sản phẩm

- Máy tính xách tay: Hiện nay máy tính xách tay là công cụ hỗ trợ không thể thiếu của mỗi con người, phục vụ cho công việc và giải trí.

- Linh kiện máy tính
- Thiết bị văn phòng
- Thiết bị mạng
- Máy tính bộ- Máy chủ
- Thiết bị khác
- Thiết bị giải trí- Thiết bị ngoại vi
- Máy chiếu- Projector
- Phần mềm
- Máy ảnh kỹ thuật số

Các sản phẩm nổi bật:

- Máy in Laser Canon LBP 2900
- Compaq Presario CQ 40- 407
- Lenovo G230 T6600 New
- HP Compaq CQ 40- 314TU
- Phần mềm diệt virus Kaspersky Internet Security 2009 (Kis)

Các mặt hàng kinh doanh chủ yếu:

- Máy vi tính nguyên chiếc (PC, Notebook, Server) của các hãng nổi tiếng như: IBM, HP, PANASONIC, SONY, DELL, FUJITSU, TOSHIBA, Acer, CMS, CANON, máy vi tính nguyên chiếc thương hiệu Việt Nam SingPC, SuperPower, VTB.....

- Máy in Laser, máy in kim, máy in Mạng của các CANON, HP, EPSON, Lexmark, Fuji Xerox. Máy in khổ lớn A1-A0 của HP (DesignJet), Calcom dùng cho các ngành đặc biệt như thiết kế, địa chính ...

- Bộ lưu điện, ổn áp dùng cho máy tính và thiết bị văn phòng của các Hãng SUNPAC, SANTAK, APC, Upselec, SENDOM, LIOA.

- Máy tính ASEAN được lắp ráp từ những linh kiện sản xuất tại các nước ASEAN.

- Thiết bị mạng : Network Card, HUB, Switch, Router, Modem, Cable của các Hãng 3COM, CISCO, INTEL, DLINK, CNET, Genius.

- Thiết bị trình chiếu (Projector, Overhead của các hãng SONY, Panasonic, 3M, EPSON, FUJITSU), phòng hội thảo, phòng học ngoại ngữ (LAB), Camera kỹ thuật số.

- Thiết bị viễn thông: Tổng đài điện thoại, máy Fax, hệ thống nhận và truyền hình ảnh tự động, thiết bị truyền dẫn.

- Thiết bị văn phòng: Máy Photocopy (Xerox, RICOH, Toshiba, Canon, MITA, SHARP), máy huỷ tài liệu, máy chấm công, máy in, điều hoà nhiệt độ (LG, FUJITSU GENERAL, National, ...) và các phụ kiện kèm theo.

- Sản phẩm của công ty đều là các sản phẩm chính hãng, có nguồn gốc rõ ràng. Ta thấy Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh không tập trung chú trọng dòng sản phẩm riêng biệt nào mà tập trung vào việc đa dạng hóa sản phẩm. Điều này giúp cho công ty có khả năng mở rộng thị trường một cách tối đa.

2.1.1.3 Những thành tích đã đạt được

Trong 3 năm qua, Công ty Cổ phần CP Viễn thông Di động Thông Minh kinh doanh có sự biến động. Dưới đây là bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh từ năm 2015 đến năm 2017.

Bảng 2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh năm 2015 - 2017

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	So sánh 16/15		So sánh 17/16	
					Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,530,315,120	27,132,850,089	23,800,178,399	2,602,534,969	110.61	-3,332,671,690	87.72
2	Các khoản giảm trừ doanh thu						0	
3	Doanh thu thuần	24,530,315,120	27,132,850,089	23,800,178,399	2,602,534,969	110.61	-3,332,671,690	87.72
4	Giá vốn hàng bán	23,144,320,460	25,273,931,815	21,746,974,597	2,129,611,355	109.20	-3,526,957,218	86.05
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,385,994,660	1,858,918,274	2,053,203,802	472,923,614	134.12	194,285,528	110.45
6	Doanh thu hoạt động tài chính	5,245,500	998,129	3,289,875	-4,247,371	19.03	2,291,746	329.60
7	Chi phí tài chính						0	
8	Chi phí bán hàng và quản lý kinh doanh	1,276,393,160	1,928,091,956	1,986,334,541	651,698,796	151.06	58,242,585	103.02
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	114,847,000	-68,175,553	70,159,136	-183,022,553	-59.36	138,334,689	-102.91
10	Thu nhập khác		57,345,455	1,642,396	57,345,455		-55,703,059	2.86
11	Chi phí khác	36,350,000	60,180,200	31,015,432	23,830,200	165.56	-29,164,768	51.54
12	Thu nhập khác	-36,350,000	-2,834,745	-29,373,036	33,515,255	7.80	-26,538,291	1,036.18
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78,497,000	-71,010,298	40,786,100	-149,507,298	-90.46	111,796,398	-57.44
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	15,699,400	0	14.360.306	0		0	
15	Lợi nhuận sau thuế	62,797,600	-71,010,298	26.425.794	-149,507,298	-90.46	97,436,092	-38.03

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Nhìn vào Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Di động Thông Minh nhận thấy doanh thu và lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty có tăng, có giảm, điều đó chứng tỏ Công ty phát triển chưa đều và hiệu quả kinh doanh không được tốt. Cụ thể:

- Chỉ tiêu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2016 tăng 2,602,534,969đ tương ứng với tỷ lệ tăng 10,61% so với năm 2015, năm 2017 doanh thu chỉ đạt 23,800,178,399đ giảm 12,2% so với năm 2016.

- Chỉ tiêu lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2016 tăng 472,923,614đ (tương ứng với 34,12%) so với năm 2015, đến năm 2017 tăng 194,285,528đ, tương ứng 10,45%. Nguyên nhân do giá vốn hàng bán năm 2017 của các mặt hàng giảm, hàng tồn kho năm 2016 của công ty còn nhiều làm lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm 2017 tăng cao so với năm 2016.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2016 tăng 5,245,500đ so với năm 2015 và năm 2017 đã tăng 29,65% so với năm 2015.

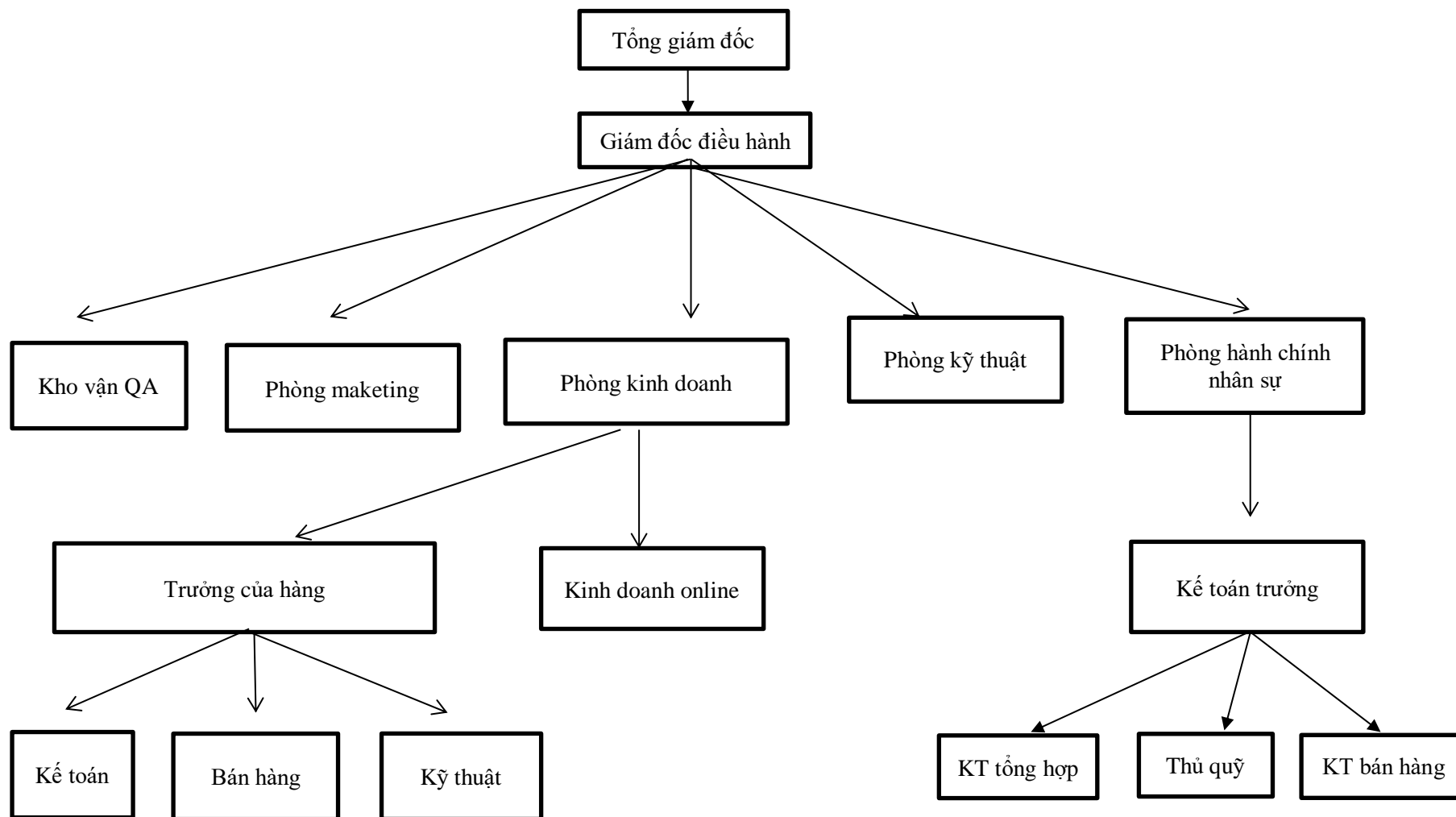
Chi phí bán hàng và quản lý kinh doanh năm 2016 tăng 651,698,796đ, tương ứng 51,06% so với năm 2015. Đến năm 2017, công ty đã khống chế mức chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp nên chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp năm 2017 tăng 3,02% so với năm 2016.

- Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh do được bù lỗ 3 năm từ năm 2013 nên năm 2015 và năm 2017 công ty không phải nộp thuế.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 62,797,600đ, do năm 2016 hoạt động không có lãi nên lợi nhuận sau thuế năm 2016 không có (năm 2016 công ty bị lỗ -71,010,298đ), đến năm 2017, công ty có lợi nhuận sau thuế là 26,425,794đ. Công ty đang xây dựng chiến lược phát triển đến năm 2020, doanh thu bán hàng đạt 30 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt từ 500 triệu đồng trở lên.

2.1.2. Cơ cấu và chức năng bộ máy kế toán của Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy công ty



Chức năng, nhiệm vụ:

+ Tổng giám đốc: là người chỉ huy trực tiếp toàn bộ bộ máy quản lý, các bộ phận khác của công ty. Tổng giám đốc công ty là người đại diện cho mọi quyền lợi và nghĩa vụ của công ty và pháp luật nhà nước.

+ Giám đốc điều hành: là người chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và tập thể những người lao động về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty. Điều hành hoạt động của công ty theo kế hoạch đề ra. Lập kế hoạch kinh doanh và marketing. Chịu trách nhiệm về quản lý toàn bộ tài sản, lao động vật tư tiền vốn, bảo đảm an ninh trật tự an toàn lao động cho toàn công ty, làm tốt công tác đối nội, đối ngoại, không ngừng chăm lo đến đời sống của người lao động.

+ Phòng marketing có nhiệm vụ cụ thể là:

- Nghiên cứu tiếp thị và thông tin, tìm hiểu sự thật ngầm hiểu của khách hàng

- Lập hồ sơ thị trường và dự báo doanh thu.

- Khảo sát hành vi ứng xử của khách hàng tiềm năng.

- Phân khúc thị trường, xác định mục tiêu, định vị thương hiệu.

- Phát triển sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm với các thuộc tính mà thị trường mong muốn (thực hiện trước khi sản xuất sản phẩm, xây dựng nhà hàng,...)

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược marketing như 4P: sản phẩm, giá cả, phân phối, chiêu thị; 4 C: Nhu cầu, mong muốn, tiện lợi và thông tin. Đây là kỹ năng tổng hợp của toàn bộ quá trình trên nhằm kết hợp 4P và 4C.

+ Phòng kinh doanh: là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về công tác bán các sản phẩm và dịch vụ của Công ty; công tác nghiên cứu & phát triển sản phẩm, phát triển thị trường; công tác xây dựng và phát triển mối quan hệ khách hàng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các hoạt động đó trong nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Khai thác khách hàng, tìm việc và kí kết hợp đồng kinh tế, phụ trách việc hoàn thiện các thủ tục thanh toán công nợ, cũng như các tài liệu công nợ, nghiệm thu phương án kinh doanh, bàn giao tài liệu...đồng thời phối hợp với phòng kế toán để xác định chính xác số công nợ của khách hàng, có kế hoạch thu nợ và khai thác khách hàng. Quản lý các cửa hàng kinh doanh, phân phối sản phẩm của công ty.

+ Phòng kỹ thuật: Hỗ trợ các công việc liên quan đến thiết kế đồ họa, thiết kế website, mạng nội bộ, quản lý website nội bộ, email, các vấn đề liên quan đến

kỹ thuật. Hỗ trợ các phòng ban khác các vấn đề về kỹ thuật chuyên môn.

+ Bộ phận nhân sự nhân sự: Phối hợp với các phòng ban trong công ty để lập kế hoạch nguồn nhân lực: theo dõi thông tin nhân lực toàn công ty, đưa ra bảng mô tả công việc chuẩn hóa cho từng vị trí nhân viên, lập kế hoạch tuyển dụng nhân sự.

- Giám sát quá trình tuyển dụng.

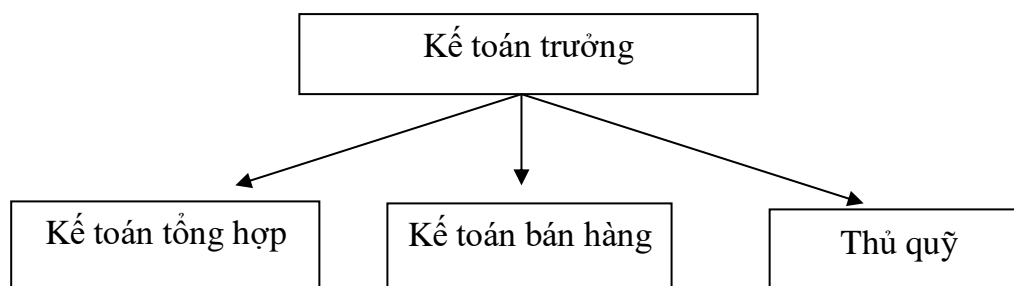
- Hoạch định những chính sách phù hợp thu hút người tài cho công ty.

- Kết hợp cùng các phòng ban khác tổ chức tuyển dụng những vị trí thiếu cho công ty. Nếu các phòng ban cần thêm nhân sự khi đề xuất với phòng nhân sự, phòng nhân sự sẽ đăng tuyển trên web, báo và tổ chức giới thiệu việc làm để tìm kiếm. Trưởng phòng nhân sự không trực tiếp phỏng vấn ở các vị trí thấp, họ sẽ phân cho nhân viên nhân sự và nhân viên chuyên môn trực tiếp tuyển dụng.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

2.1.3.1. Đặc điểm của bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, toàn bộ công tác kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán.



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty

* Kế toán trưởng:

- Giúp giám đốc công ty chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê của công ty, lập kế hoạch, tìm nguồn vốn vay tài trợ, vay vốn ngân hàng của công ty.

- Tổ chức thực hiện và kiểm tra các chế độ, thể lệ kế toán, các chính sách, chế độ kinh tế tài chính trong công ty cũng như các chế độ, thể lệ kế toán, chính sách thuế, chế độ trích lập và các khoản dự phòng.

- Có nhiệm vụ báo cáo tài chính theo yêu cầu quản lý và theo quy định của nhà nước cũng như của các ngành chức năng.

* Kế toán tổng hợp: Sau khi các bộ phận đã lên báo cáo, cuối kỳ kế toán tổng hợp kiểm tra, xem xét lại tất cả các chỉ tiêu, xác định kết quả kinh doanh và giúp kế toán trưởng lập BCTC. Theo dõi Tài sản cố định; giao dịch ngân hàng; làm các hồ sơ về thuế; tổ chức hạch toán, cung cấp thông tin về tình hình sử dụng lao động tại công ty, về chi phí tiền lương và các khoản trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

* Kế toán bán hàng: Phản ánh kịp thời khối lượng hàng hóa, quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ hàng hóa, phát hiện xử lý kịp thời hàng hóa ứ đọng. Phản ánh doanh thu bán hàng và các khoản điều chỉnh doanh thu bằng những ghi chép kế toán tổng hợp và chi tiết hàng hóa tồn kho, hàng hóa bán. Theo dõi thanh toán các khoản thuế nộp ở khâu tiêu thụ, thuế giá trị gia tăng. Lập báo cáo nội bộ về tình hình thực hiện kế hoạch chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, về kết quả kinh doanh của từng nhóm hàng, từng mặt hàng tiêu thụ chủ yếu.

* Thủ quỹ: Quản lý tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi do kế toán tổng hợp đưa sang để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp đối chiếu thu chi với kế toán tổng hợp. Cuối tháng cùng với kế toán trưởng và giám đốc tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt tại kết.

2.1.3.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

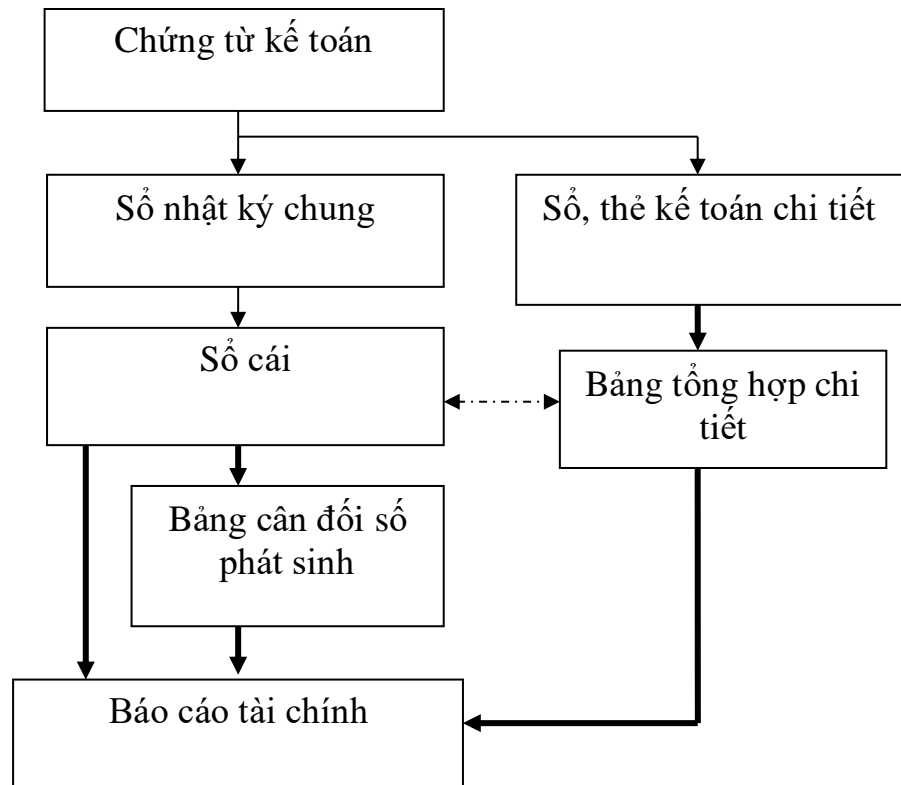
- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm Dương lịch.
- Đơn vị sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp trích khấu hao: phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp xác định giá xuất kho: áp dụng phương pháp tính giá theo giá đích danh.

2.1.3.3. Hình thức ghi sổ kế toán của Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, việc áp dụng hình thức này đã đáp ứng được yêu cầu dễ kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự kế toán tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

2.2. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

2.2.1.1 Chính sách ghi nhận doanh thu tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Tại Công ty di động Thông Minh, có 2 hình thức bán hàng chủ yếu là bán buôn, bán lẻ với các sản phẩm về máy tính, điện thoại, linh kiện điện tử, các phần mềm bán hàng...

- Đối với bán buôn, bao gồm 2 hình thức là bán buôn trực tiếp qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng. Theo phương thức bán buôn trực tiếp qua kho, hàng hóa sau khi đã hoàn tất các thủ tục nhập kho rồi mới được xuất bán, theo đó hàng hóa có thể xuất bán trực tiếp tại kho doanh nghiệp hoặc xuất kho gửi đi bán. Còn theo phương thức bán buôn vận chuyển chuyển thẳng, công ty mua hàng từ nhà cung cấp sau đó chuyển thẳng gửi đi bán hoặc mua bán thẳng giao nhận trực tiếp với nhà cung cấp và khách hàng.

- Đối với khách lẻ, công ty sử dụng phương thức bán lẻ thu tiền tại chỗ để bán hàng. Theo phương thức này, nhân viên bán hàng hoặc nhân viên phòng kinh doanh sẽ trực tiếp bán hàng tại các cửa hàng hoặc theo đơn đặt hàng của khách hàng và thu tiền. Cuối ngày, sau khi kiểm tra hàng, căn cứ vào lượng hàng hóa bán ra và số tiền thu vào trong ngày, đối chiếu với số hàng hiện còn tồn trong kho hoặc cửa hàng lập báo cáo bán hàng, báo cáo thu tiền nộp về cho kế toán.

Phương pháp xác định doanh thu bán hàng: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thu được tiền, sẽ thu được tiền từ các hoạt động bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu bán} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Các khoản} \\ \text{hàng và cung} & = & \text{bán hàng và} & - & \text{giảm trừ} & + & \text{thuế} \\ \text{cấp dịch vụ} & & \text{cung cấp dịch} & & \text{doanh thu} & & \text{không} \\ \text{thuần} & & \text{vụ thực tế} & & & & \text{được khấu} \\ & & & & & & \text{trừ} \end{array}$$

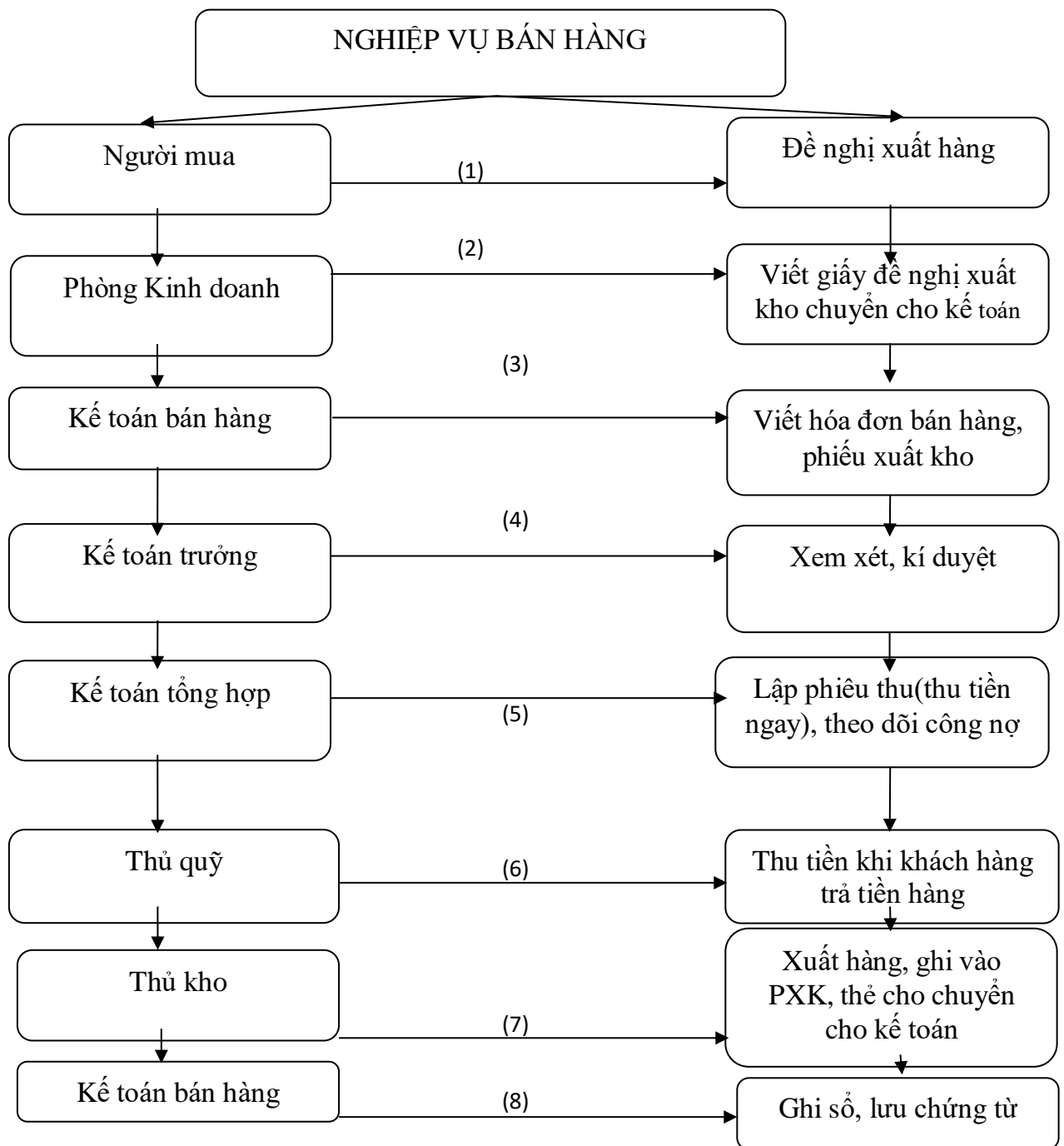
2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

- * TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- *TK 311: Phải thu của khách hàng
- *TK 111: Tiền mặt hoặc TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- ...

* Chứng từ sử dụng

Để tiến hành hạch toán doanh thu, các chứng từ ban đầu kế toán sử dụng để ghi sổ:

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số: 01GTKT3 do Cục thuế phát hành)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số: 02 – VT)
- Các chứng từ khác: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo Có,...



Sơ đồ 2.4 Quy trình luân chuyển chứng từ nghiệp vụ bán hàng

Quy trình nghiệp vụ bán hàng diễn ra như sau:

- (1) Người mua đề nghị được xuất hàng theo như hợp đồng đã ký
- (2) Phòng Kinh doanh sẽ yêu cầu Kế toán viết Hóa đơn bán hàng
- (3) Kế toán bán hàng viết hóa đơn bán hàng theo như hợp đồng đã ký
- (4) Sau trình cho Kế toán trưởng xem xét, ký duyệt Hóa đơn
- (5): - Nếu người mua trả tiền ngay thì Kế toán tổng hợp sẽ lập phiếu thu
- Nếu bán chịu thì Kế toán tổng hợp sẽ vào bảng theo dõi công nợ

(6) Khi khách hàng trả tiền, có phiếu thu của Kế toán tổng hợp, thủ quỹ thu tiền theo phiếu thu của Kế toán

(7): Thủ kho sẽ xuất kho theo Hóa đơn bán hàng mà Kế toán đã viết, ghi vào phiếu xuất kho, thẻ kho, sau đó chuyển cho kế toán.

(8): Kế toán bán hàng ghi sổ và lưu chứng từ.

*. *Sổ sách sử dụng*

- Sổ chi tiết công nợ
- Bảng tổng hợp số dư công nợ cuối kỳ
- Sổ nhật ký bán hàng
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 511

2.2.1.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 1: Ngày 12/6/2017, công ty xuất bán 10 bộ máy tính cho Công ty TNHH xây dựng thương mại Bách Tín Phát theo hóa đơn GTGT 0000736 với giá bán: 5.150.000đ/bộ, VAT 10%. Công ty Bách Tín Phát chưa thanh toán.

Giá nhập của một bộ máy tính là 4.075.000đ/bộ.

Kế toán phản ánh doanh thu:

Nợ TK 131:	56.650.000
Có TK 511:	51.500.000
Có TK 3331:	5.150.000

Kế toán phản ánh giá vốn:

Nợ TK 632:	40.750.000
Có TK 156:	40.750.000

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000736 (Biểu số 2.1), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4),

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.5).

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số 01GTKT3/001

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: TM/17P

Ngày 12 tháng 06 năm 2017

Số: **0000736**

Đơn vị bán hàng: Công ty CP viễn thông di động Thông Minh

Mã số thuế: 0105815899

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.6292.7568

Họ tên người mua hàng: Đinh Thị Hương

Tên đơn vị: Công ty TNHH xây dựng thương mại Bách Tín Phát

Mã số thuế: 0201625474

Địa chỉ: 50 Nguyễn Hữu Cầu, Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Số tài khoản: 01410036686687- Viettinbank Hà

Nội

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Máy tính văn phòng Dell	bộ	10	5.150.000	51.500.000
Cộng tiền hàng:					51.500.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		5.150.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					56.650.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn: Phòng kế toán)

Ví dụ 2: Ngày 15/6/2017, công ty bán cho bà Hoàng Thùy Linh 01 chiếc Iphone 7s với giá 15.270.000đ, VAT 10% theo hóa đơn số 0000740. Bà Hoàng Thùy Linh thanh toán bằng tiền mặt.

Giá nhập của điện thoại Iphone 7s là 13.825.000đ/chiếc.

Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 740 (biểu số 2.2), phiếu thu số 78 (biểu số 2.3), kế toán định khoản:

- Phản ánh doanh thu:

Nợ TK 111:	16.797.000
Có TK 511:	15.270.000
Có TK 33311:	1.527.000

- Phản ánh giá vốn:

Nợ TK 632:	13.825.000
Có TK 156:	13.825.000

Biểu số 2.2

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số 01GTKT3/001

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ký hiệu: TM/17P

Ngày 15 tháng 06 năm 2017

Số: **0000740**

Đơn vị bán hàng: Công ty CP viễn thông di động Thông Minh

Mã số thuế: 0105815899

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.6292.7568

Họ tên người mua hàng: Hoàng Thùy Linh

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ: 156 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán: tiền mặt

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Iphone 7s	cái	1	15.270.000	15.270.000
Cộng tiền hàng:					15.270.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.527.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					16.797.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.3

Đơn vị: Công ty CP Viễn thông di động

Mẫu số: 01 - TT

Thông Minh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Số 119 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 06 năm 2017

Số : 078

Nợ TK 111: 16.797.000

Có TK 511: 15.270.000

Có TK 33311: 1.527.000

Họ, tên người nhận tiền: Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh - Cửa hàng Hải Phòng

Địa chỉ: 12 Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng.

Lý do: mua điện thoại Iphone 7s

Số tiền: 16.797.000đ

Bằng chữ: Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn.

Kèm theo hóa đơn GTGT số 0000740 chứng từ gốc.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.4

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

ĐVT:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
10/6	PC010	10/6	Thanh toán tiền lương nhân viên	111 334	69.012.000	69.012.000
11/6	PN005	11/6	Nhập 10 chiếc samsungA7	156 133 331	51.112.000 5.111.200	56.223.200
12/6	HD736	12/6	Xuất bán 10 bộ máy tính	131 511 33311 632 156	56.650.000 40.750.000	51.500.000 5.150.000 40.750.000
...
15/6	HD740	15/6	Xuất bán Iphone 7s	111 511 33311 632 156	16.797.000 13.825.000	15.270.000 1.527.000 13.858.000
...
			Cộng		8.772.589.631	8.772.589.631

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.5

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..
12/6	HĐ736	12/6	Xuất bán 10 bộ máy tính	131		51.500.000
..
15/6	HĐ740	15/6	Xuất bán Iphone 7s	111		15.270.000
..
31/12	PKT160	31/12	Kết chuyển ->911	911	23.800.178.399	
			- Cộng số phát sinh		23.800.178.399	23.800.178.399
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

Vì công ty tính giá xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh nên hàng tồn kho được xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá thực tế nhập kho của lô hàng đó làm đơn giá xuất kho của hàng tồn kho được xuất

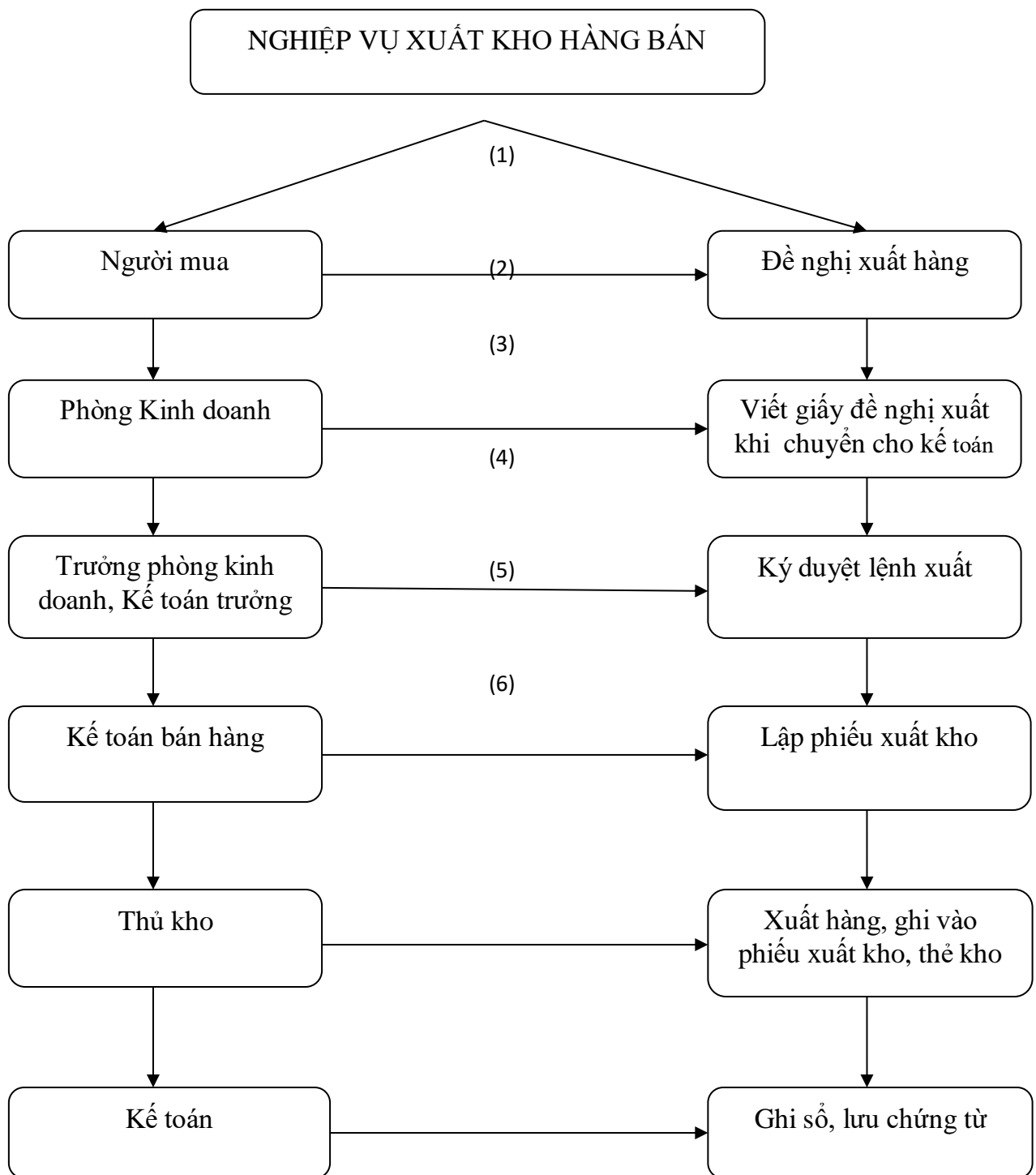
Giá vốn hàng bán = giá vốn hàng bán đơn vị x số lượng xuất kho

Việc xác định đúng giá vốn hàng bán cũng rất quan trọng bởi nó quyết định trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Tại Công ty áp dụng phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh. Sở dĩ công ty sử dụng phương pháp thực tế đích danh để tính giá hàng xuất kho là do hàng hóa của công ty rất đa dạng, nhiều chủng loại, hơn nữa lưu lượng nhập lại diễn ra nhiều và thường xuyên, tổng hợp các yếu tố đó đã quyết định phương pháp tính giá hàng xuất kho của công ty.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Bảng kê
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, Lệnh chi

* Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán bán hàng



Sơ đồ 2.5. Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho

Quy trình luân chuyển chứng từ xuất kho như sau:

- (1) Người mua đề nghị xuất hàng theo Hợp đồng đã ký kết
- (2) Phòng kinh doanh làm giấy đề nghị xuất kho chuyển xuống phòng kế toán
- (3) Trưởng phòng kinh doanh, kế toán trưởng xem xét, ký duyệt lệnh xuất kho

(4) Kế toán hàng hóa lập phiếu xuất kho, chuyển cho thủ kho.

(5) Thủ kho căn cứ vào lệnh xuất và phiếu xuất kho tiến hành:

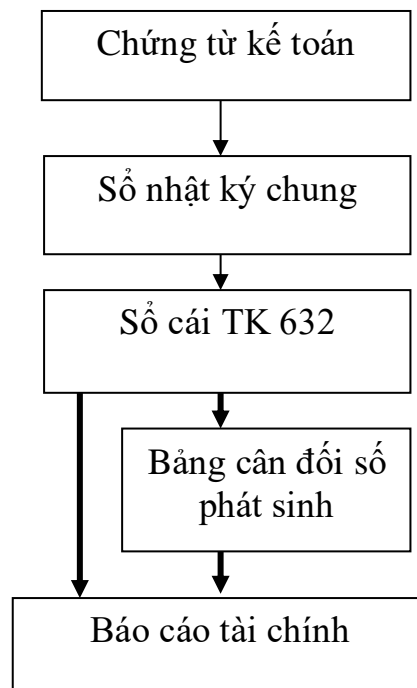
- Kiểm soát hàng xuất
- Ghi sổ thực xuất và phiếu xuất kho
- Cùng với người nhận hàng ký vào phiếu xuất kho
- Ghi thẻ kho
- Chuyển chứng từ xuất kho cho kế toán

(6) Kế toán bán hàng

- Căn cứ vào phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho để ghi đơn giá vào phiếu xuất kho
- Định khoản chứng từ xuất kho
- Ghi sổ
- Lưu trữ và bảo quản chứng từ.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán và các tài khoản có liên quan khác



Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán doanh giá vốn hàng bán tại Công ty CP Viễn thông di động Thông minh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

* Sổ sách sử dụng:

- Sổ kho
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632, 156, 111, 112...

2.2.2.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 3: Theo ví dụ 1, ngày 12/6/2017, công ty xuất bán 10 bộ máy tính cho công ty Bách Tín Phát giá vốn của một bộ máy tính là 4.075.000đ/bộ.

Kế toán định khoản giá vốn:

Nợ TK 632:	40.750.000
Có TK 156:	40.750.000

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số 156 (Biểu số 2.6), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8).

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

PHIẾU XUẤT KHO Số: 156

Ngày 12 tháng 6 năm 2017

Họ và tên người nhận hàng: Đinh Thị Hương

Địa chỉ: Công ty TNHH xây dựng thương mại Bách Tín Phát

Theo HĐ số 2017.07/TM-BTP Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Xuất tại kho: công ty di động Thông Minh

(Đơn vị tính: VNĐ)

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất của SP, HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
01	Máy tính văn phòng		bộ	10	10	4.075.000	40.750.000
	Cộng						40.750.000

(Bằng chữ: Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

Ngày 12 tháng 6 năm 2017

Thủ trưởng
đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phụ trách
cung tiêu
(Ký, họ tên)

Người nhận
hàng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng kế toán)

Ví dụ 4: Theo ví dụ 2, ngày 15/6/2017, công ty bán cho bà Hoàng Thùy Linh 01 chiếc Iphone 7s với giá vốn của điện thoại Iphone 7s là 13.825.000đ/chiếc.

Kế toán định khoản giá vốn:

Nợ TK 632: 13.825.000

Có TK 156: 13.825.000

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 159 (biểu số 2.7), kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8).

- Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.9).

Biểu số 2.7

Đơn vị: **Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh**

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

PHIẾU XUẤT KHO

Số: 159

Ngày 15 tháng 6 năm 2017

Họ và tên người nhận hàng: Hoàng Thùy Linh

Địa chỉ: Công ty TNHH xây dựng thương mại Bách Tín Phát

Theo HĐ số 2017.07/TM-BTP Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Xuất tại kho: công ty di động Thông Minh

(Đơn vị tính: VND)

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất của SP, HH	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
01	Iphone 7s		cái	1	1	13.825.000	13.825.000
	Cộng						13.825.000

(Bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017

Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Phụ trách cung tiêu <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nhận hàng <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ kho <i>(Ký, họ tên)</i>
---	---------------------------------------	---	---	--------------------------------

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.8

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

ĐVT:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
12/6	HĐ736	12/6	Xuất bán 10 bộ máy tính	131 511 33311 632 156	56.650.000 40.750.000	 51.500.000 5.150.000 40.750.000
...
15/6	HĐ740	15/6	Xuất bán Iphone 7s	111 511 33311 632 156	16.797.000 13.825.000	 15.270.000 1.527.000 13.858.000
...
13/7	HĐ13412	13/7	Nhập samsung J7	156 1331 112	83.500.000 8.350.000	 91.850.000
15/7	HĐ748	15/7	Xuất Sumsung J7	131 511 33311 632 156	85.800.000 41.750.000	 78.000.000 7.800.000 41.750.000
...
			Cộng		8.772.589.631	8.772.589.631

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.9

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..
12/6	PX156	12/6	Xuất bán 10 bộ máy tính	156	40.750.000	
..
15/6	HD740	15/6	Xuất bán Iphone 7s	156	13.825.000	
..
15/8	HD748	15/6	Xuất bán Sumsung J7	156	41.750.000	
..
31/12	PKT161	31/12	Kết chuyển ->911	911		21.746.974.597
			- Cộng số phát sinh		21.746.974.597	21.746.974.597
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty CP viễn thông di động Thông Minh

* Công ty sử dụng tài khoản 515 để hạch toán doanh thu tài chính

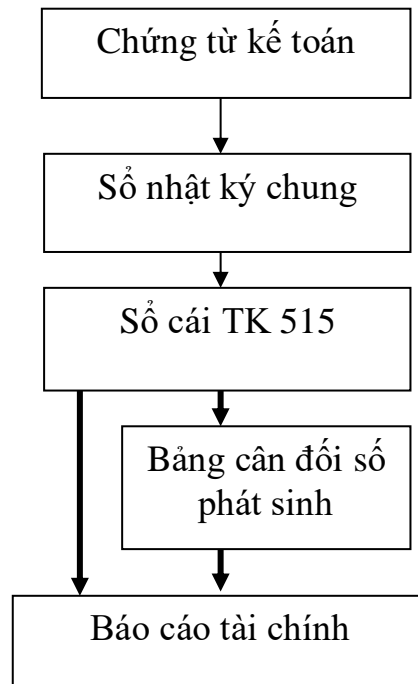
Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên Có:

Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

- * Các chứng từ sử dụng: sổ phụ ngân hàng.
- * Sổ sách sử dụng: Sổ nhật ký chung và sổ cái tài khoản 515
- * Quy trình hạch toán



Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán doanh thu tài chính tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Kế toán từ các chứng từ (sổ phụ ngân hàng) hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ ngân hàng và sổ phụ ngân hàng kế toán ghi sổ nhật ký chung và lên sổ

chi tiết và số cái tài khoản 515 sau đó cuối kỳ kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

* Nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 5: Trong năm 2017, Công ty di động Thông Minh căn cứ vào sổ phụ của ngân hàng Viettinbank để nhập sổ chi tiết của TK 515 và sau đó lên sổ cái TK 515. Công ty không có các doanh cho vay ngoài nên TK 515 của công ty chỉ phản ánh các hoạt động của tài khoản ngân hàng.

Căn cứ vào sổ phụ ngân hàng năm 2017, kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 3.289.875

Có TK 515: 3.289.875

Cuối kỳ kết chuyển:

Nợ TK 515: 3.289.875

Có TK 911: 3.289.875

Biểu số 2.10

Chi nhánh Branch: 16298 - CN Ha Noi – Hoi So

SAO KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH

TRANSACTION STATEMENT

Từ ngày From date: 01/01/2017 đến ngày to date: 31/12/2017

Kính gửi quý khách Dear Customer: CT CP VIEN THONG DI DONG THONG MINH

Địa chỉ Address: DONG DA HA NOI

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam xin trân trọng thông báo Sao kê giao dịch

Tài khoản số: 0141003668668 của quý khách như sau:

We would like to inform your transaction statement as follow:

Loại tiền tệ Currency – VND

Ngày Date	Giờ Time	Nội dung giao dịch Transaction Comment	Doanh số phát sinh Turnover		Số dư sau giao dịch Balance
			Nợ Debit	Có Credit	
Beginning Balance					423,778,519.00
31/01/2017	11:59PM	Lãi tiền gửi		201,457.00	423,979,976.00
12/02/2017	09:10PM	Nguyễn Hoàng chuyển khoản		102,331,764.00	526,311,740.00
15/02/2017	15:34PM	Chuyển tiền thanh toán	341,987,421.00		184,324,319.00
28/02/2017	11:59PM	Lãi tiền gửi		86,120.00	184,410,439.00
07/03/2017	10:46PM	CT CP Anh Đức Nga TT		58,190,000.00	242,600,439.00
...

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.11

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

ĐVT:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
31/1	SP01T	31/1	Lãi tiền gửi tài khoản Viettinbank tháng 3	1121 515	201.457	201.457
...
15/6	HĐ740	15/6	Xuất bán Iphone 7s	111	16.797.000	15.270.000
				511		
				33311	1.527.000	
				632	13.825.000	13.858.000
				156		
...
30/11	SP11T	30/11	Lãi tiền gửi tài khoản Viettinbank tháng 11	1121 515	216.760	216.760
...
			Cộng		8.772.589.631	8.772.589.631

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.12

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..
31/1	SP01T	31/1	Lãi tiền gửi tài khoản Viettinbank tháng 3	1121		201.457
..
30/11	SP11T	30/11	Lãi tiền gửi tài khoản Viettinbank tháng 11	1121		216.760
..
31/12	PKT160	31/12	Kết chuyển -> 911	911	3.289.875	
			- Cộng số phát sinh		3.289.875	3.289.875
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.4 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty CP viễn thông di động Thông Minh

* Công ty sử dụng tài khoản 635 để hạch toán chi phí tài chính.

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Do là một doanh nghiệp có vốn điều lệ doanh nghiệp lớn và có nhiều cổ đông tham gia và được khách hàng tin dùng nên năm 2017, công ty không phát sinh chi phí tài chính.

2.2.5 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

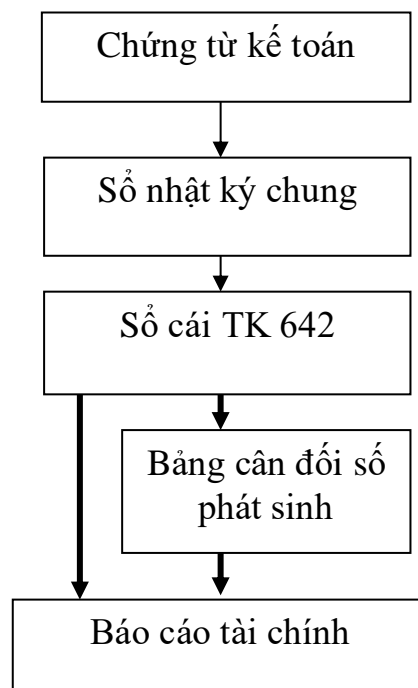
Chi phí quản lý kinh doanh là các chi phí phát sinh có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý kinh doanh gồm các khoản như: chi phí nhân viên quản lý, nhân viên bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ; các loại chi phí dịch vụ mua ngoài như: chi phí điện nước, điện thoại, chi tiếp khách...

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp



Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, định kỳ →

2.2.5.3 Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 6. Ngày 15/8/2017, trong quá trình giao hàng xe vận chuyển hàng hoá bị hỏng 01 lốp xe. Xe được thay lốp theo hoá đơn 0000018 với số tiền là 5.500.000đ (đã bao gồm cả VAT), thanh toán bằng tiền mặt. Căn cứ vào hoá đơn, phiếu chi kế toán định khoản:

Nợ TK 6421: 5.000.000

Nợ TK 133: 500.000

Có TK 111: 5.500.000

Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911

Nợ TK 911: 5.000.000

Có TK 6421: 5.000.000

- Hoá đơn số 0000018 (biểu số 2.13), phiếu chi số 33 (biểu số 2.14), kế toán ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.17)
- Kế toán ghi sổ cái chi tiết tài khoản 6421 (biểu số 2.16) và sổ cái tài khoản 642 (biểu số 2.20)

Biểu số 2.13

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/002			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		SL/17P			
Liên 2 (dùng để thanh toán)		0000018			
Ngày 15 tháng 8 năm 2017					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Sơn Lâm					
Mã số thuế: 0200586631					
Địa chỉ: số 548 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng, Việt Nam					
Số Tài khoản:					
Điện thoại: 022.576.4120					
Họ và tên người mua: Nguyễn Văn Thắng					
Tên đơn vị: Công ty CP viễn thông di động Thông Minh					
Mã số thuế: 0105815899					
Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt			Số Tài khoản:		
STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền
01	Thay lốp xe	cái	01	5.000.000	5.000.000
Cộng tiền hàng:					5.000.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		500.000
Tổng thanh toán:					5.500.000
Số tiền bằng chữ: Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký tên, đóng dấu)	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.14

Đơn vị: Công ty CP Viễn thông di động
Thông Minh

Mẫu số:02 -TT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

Số 119 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

PHIẾU CHI

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 Số : 033

Nợ TK 6421: 5.000.000

Nợ TK 133:500.000

Có TK 111:5.500.000

Họ, tên người nhận tiền: Công ty TNHH Sơn Lâm

Địa chỉ:548 Nguyễn Văn Linh, Vĩnh Niệm, Lê Chân, Hải Phòng, Việt Nam

Lý do chi: thanh toán tiền sửa xe(thay lốp)

Số tiền:5.500.000đ(Viết bằng chữ):Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo hóa đơn GTGT số 0000018 chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập Người nhận tiền Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng kế toán)

Ví dụ 7: Ngày 05/7/2017, công ty CP viễn thông di động Thông Minh thanh toán lương tháng 6/2018 cho bộ phận văn phòng với số tiền là 93.978.695đ. Căn cứ vào bảng lương (biểu số 2.15), phiếu chi tiền mặt (biểu số 2.16), kế toán định khoản:

Nợ TK 6422: 93.978.695

Có TK 334: 93.978.695

Chi tiền:

Nợ TK 334: 93.978.695

Có TK 111: 93.978.695

Kế toán phản ánh vào Nhật ký chung (biểu số 2.17); sổ chi tiết 6422 (biểu số 2.19); cái tài khoản 642 (biểu số 2.20).

Biểu số 2.15

CÔNG TY CP VIỄN THÔNG DI ĐỘNG THÔNG MINH									
Địa chỉ: 119 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội									
Bộ phận: Văn phòng									
BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 6 NĂM 2017									
STT	HỌ VÀ TÊN	Lương công nhật			Các khoản giảm trừ			Tổng tiền lương	Ký Tên
		Số công	Đơn giá	Thành Tiền	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)		
1	Trần Thị Nga	26	350.000	9.100.000	155.280	29.115	19.410	8.896.195	
2	Lê Việt Quang	26	320.000	8.320.000	120.000	22.500	15.000	8.162.500	
3	Nguyễn Văn Ngọc	26	300.000	7.800.000	120.000	22.500	15.000	7.642.500	
4	Nguyễn Thị Phương Dung	26	250.000	6.500.000	120.000	22.500	15.000	6.342.500	
5	Nguyễn Hồng Quang	26	250.000	6.500.000	120.000	22.500	15.000	6.342.500	
6	Lưu Hải Linh	25	250.000	6.250.000	120.000	22.500	15.000	6.092.500	
7	Nguyễn Hồng Hiếu	24	250.000	6.000.000	120.000	22.500	15.000	5.842.500	
8	Phạm Văn Tùng	26	250.000	6.500.000	120.000	22.500	15.000	6.342.500	
9	Bùi Đức Huy	26	230.000	5.980.000	120.000	22.500	15.000	5.822.500	
10	Nguyễn Văn Anh	26	230.000	5.980.000	120.000	22.500	15.000	5.822.500	
11	Bùi Đức Sơn	26	230.000	5.980.000	120.000	22.500	15.000	5.822.500	
12	Lưu Thanh Thủy	26	230.000	5.980.000	120.000	22.500	15.000	5.822.500	
13	Nguyễn Thị Tố Như	26	230.000	5.980.000	120.000	22.500	15.000	5.822.500	
14	Nguyễn Ngọc Hải	26	230.000	5.980.000	120.000	22.500	15.000	5.822.500	
15	Hoàng Trung Kiên	26	130.000	3.380.000	0	0	0	3.380.000	
Tổng				96.230.000	1.715.280	321.615	214.410	93.978.695	

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.16

Đơn vị: Công ty CP Viễn thông di động

Thông Minh

Số 119 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

Mẫu số: 02 - TT

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của
Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 7 năm 2017

Số : 027

Nợ TK 6422: 93.978.695

Có TK 334: 93.978.695

Họ, tên người nhận tiền: Vũ Hồng Anh - Kế toán tổng hợp

Địa chỉ: Phòng Kế toán công ty

Lý do chi: thanh toán tiền lương cho bộ phận văn phòng tháng 6/2017

Số tiền: 93.978.695đ (Viết bằng chữ): Chín mươi ba triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng chẵn./.

Kèm theo bảng kê thanh toán lương tháng 6/2018 chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.17

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

ĐVT:đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
05/7	PC027	05/7	Thanh toán lương nhân viên bộ phận văn phòng tháng 6/2017	6422 334	93.978.695	93.978.695
...
13/7	HĐ13412	13/7	Nhập sumsung J7	156 1331 112	83.500.000 8.350.000	91.850.000
15/7	HĐ748	15/7	Xuất Sumsung J7	131 511 33311 632 156	85.800.000 41.750.000	78.000.000 7.800.000 41.750.000
...
15/8	PC033	15/8	Thanh toán tiền sửa xe ô tô giao hàng	6421 111	5.000.000	5.000.000
16/8	PC034	16/8	Thanh toán tiền dầu diesel cho xe giao hàng	6421 111	1.078.636	1.078.636
...
			Cộng		8.772.589.631	8.772.589.631

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.18

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2017

Tài khoản: 6421 - Chi phí bán hàng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
..	
10/8	1254722	10/8	Tiền điện cửa hàng 41 Thanh Xuân	1121	1,355,350		239,115,082	
10/8	2576588	10/8	Tiền điện cửa hàng 92 Hoàng Mai	1121	1,755,350		240,870,432	
10/8	2741567	10/8	Tiền điện cửa hàng 492 Ba Đình	1121	2,150,700		243,021,132	
10/8	3324655	10/8	Tiền điện cửa hàng CT7A Hà Đông	1121	1,916,000		244,937,132	
13/8	0129761	13/8	Tiền nước cửa hàng Đại Thanh - Thanh Trì	1111	250,000		245,187,132	
15/8	0000018	15/8	Thanh toán sửa xe	1111	5,000,000		250,187,132	
16/8	1611798	16/8	Xăng Ron 92	1111	1,078,636		251,265,768	
	
20/8	PC038	20/8	Lương nhân viên bán hàng tháng 7/2017	334	62,000,000		334,875,190	
	
			- Cộng số phát sinh		875,119,267	875,119,267		
			- Số dư cuối kỳ					

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.19

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN

Năm 2017

Tài khoản: 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày , thán g ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					
			- Số phát sinh trong kỳ					
..	
05/7	PC027	05/7	Lương VP tháng 6/2017	334	93,978,695		427,611,900	
..	
17/7	5788981	17/7	Tiền điện văn phòng làm việc	1121	1,555,350		452,761,190	
17/7	6891110	17/7	Xăng Ron 92	1121	1,355,350		454,116,540	
18/7	8791555	18/7	Cước điện thoại tháng 11/2015	1121	1,123,000		455,239,540	
18/7	0358791	18/7	Cước internet tháng 11/2015	1121	450,000		455,689,540	
18/7	0378922	18/7	Tiền nước văn phòng	1111	750,000		456,439,540	
18/7	0003577	18/7	Mua văn phòng phẩm	1111	7,500,600		463,940,140	
..	
			- Cộng số phát sinh		1,111,215,274	1,111,215,274		
			- Số dư cuối kỳ					

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.20

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CÁI
Năm 2017

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
..
05/7	PC027	05/7	Lương VP tháng 6/2017	334	93,978,695	
10/8	1254722	10/8	Tiền điện cửa hàng 41 Thanh Xuân	1121	1,355,350	
10/8	2576588	10/8	Tiền điện cửa hàng 92 Hoàng Mai	1121	1,755,350	
10/8	2741567	10/8	Tiền điện cửa hàng 492 Ba Đình	1121	2,150,700	
10/8	3324655	10/8	Tiền điện cửa hàng CT7A Hà Đông	1121	1,916,000	
13/8	0129761	13/8	Tiền nước cửa hàng Đại Thanh - Thanh Trì	1111	250,000	
15/8	0000018	15/8	Thanh toán sửa xe	1111	5,000,000	
16/8	1611798	16/8	Xăng Ron 92	1111	1,078,636	
..
31/12	PKT161	31/12	Kết chuyển -> 911	911		1,986,334,541
			- Cộng số phát sinh		1,986,334,541	1,986,334,541
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.6 Kế toán thu nhập khác tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

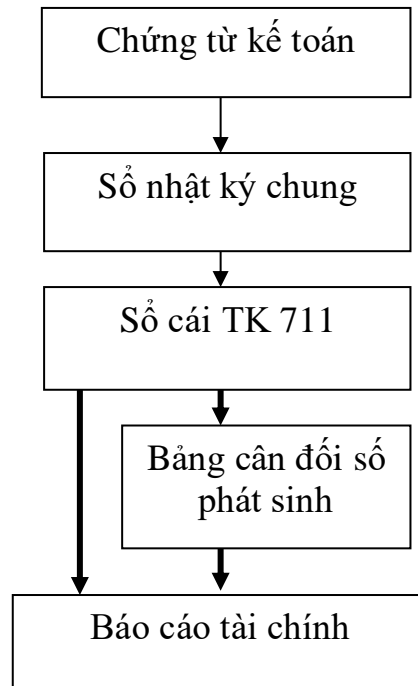
2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Hoá đơn, phiếu thu tiền, chứng từ ngân hàng,

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Và các tài khoản có liên quan khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán thu nhập khác tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

2.2.6.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 8: Ngày 17/9/2017, công ty thanh lý bộ máy tính HP cũ với giá 1.642.396đ, VAT 10% trong 1 năm. Số tiền thu được bằng tiền mặt. Kế toán định khoản:

Nợ TK 111: 1.806.636

Có TK 711: 1.642.396

Có TK 33311: 164.240

Căn cứ vào đơn số 0000783 (biểu số 2.21) cùng phiếu thu tiền số 101 (biểu số 2.22), kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.23) và sổ cái tài khoản 711 (biểu số 2.24)

Biểu số 2.21

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số

01GTKT3/001

Liên 3: Nội bộ

Ký hiệu: TM/17P

Ngày 17 tháng 9 năm 2017

Số: **0000783**

Đơn vị bán hàng: Công ty CP viễn thông di động Thông Minh

Mã số thuế: 0105815899

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.6292.7568

Họ tên người mua hàng: Phạm Văn Tuấn

Tên đơn vị:

Mã số thuế:

Địa chỉ: 236/134 Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

Hình thức thanh toán: tiền mặt Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Thanh lý bộ máy tính văn phòng HP cũ	bộ	1	1.642.396	1.642.396
Cộng tiền hàng:					1.642.396
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		164.240	
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.806.636
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.22

Đơn vị: Công ty CP Viễn thông di động

Mẫu số: 01 - TT

Thông Minh

(Ban hành theo Thông tư số

Số 119 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016

của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 17 tháng 9 năm 2017

Số : 101

Nợ TK 111: 1.806.636

Có TK 511: 1.642.396

Có TK 33311: 164.240

Họ, tên người nhận tiền: Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội.

Lý do: Thanh lý bộ máy tính văn phòng HP cũ

Số tiền: 1.806.636đ

Bằng chữ: **Một triệu tám trăm linh sáu nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.**

Kèm theo hóa đơn GTGT số 0000783 chứng từ gốc.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Người nhận tiền

Thủ quỹ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

ĐVT:đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
05/7	PC027	05/7	Thanh toán lương nhân viên bộ phận văn phòng tháng 6/2017	6422 334	93.978.695	93.978.695
...
13/7	HĐ13412	13/7	Nhập samsung J7	156 1331 112	83.500.000 8.350.000	91.850.000
15/7	HĐ748	15/7	Xuất Sumsung J7	131 511 33311 632 156	85.800.000 41.750.000	78.000.000 7.800.000 41.750.000
...
15/8	PC033	15/8	Thanh toán tiền sửa xe ô tô giao hàng	6421 111	5.000.000	5.000.000
16/8	PC034	16/8	Thanh toán tiền dầu diesel cho xe giao hàng	6421 111	1.078.636	1.078.636
...
15/9	HĐ 783	15/9	Thanh lý bộ máy tính HP	111 711 33311	1.806.636	1.642.396 164.240
...
			Cộng		8.772.589.631	8.772.589.631

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.24

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 711 – Thu nhập khác

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
15/9	HĐ 783	15/9	Thanh lý bộ máy tính HP	111		1.642.396
31/12	PK160	31/12	Kết chuyển -> 911	911	1.642.396	
			- Cộng số phát sinh		1.642.396	1.642.396
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.7 Kế toán chi phí khác tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

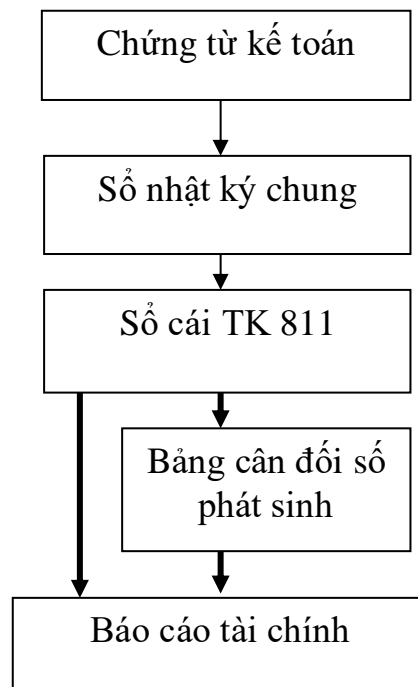
2.2.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Hoá đơn, phiếu chi tiền, chứng từ ngân hàng,

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Và các tài khoản có liên quan khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, định kỳ \longrightarrow

Sơ đồ 2.10: Trình tự hạch toán chi phí khác tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

2.2.7.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Ví dụ 9. Ngày 25/9/2017, công ty nộp phạt hồ sơ kiểm tra quyết toán thuế tại trụ sở của cơ quan thuế với số tiền là 31.015.432đ. Căn cứ vào Biên bản kiểm tra và quyết định xử phạt của cơ quan thuế, phiếu chi tiền số 042, kế toán định khoản:

Nợ TK 811: 31.015.432

Có TK 111: 31.015.432

Căn cứ vào phiếu chi số 042 (biểu số 2.25) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (biểu số 2.26), Sổ cái tài khoản 811 (biểu số 2.27).

Biểu số 2.25

Đơn vị: Công ty CP Viễn thông di động

Mẫu số: 02 - TT

Thông Minh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-

Số 119 Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25 tháng 9 năm 2017

Số : 042

Nợ TK 811: 31.015.432

Có TK 111: 31.015.432

Họ, tên người nhận tiền: Vũ Hồng Anh - Kế toán tổng hợp

Địa chỉ: Phòng Kế toán công ty

Lý do chi: Nộp tiền phạt vi phạm hành chính thuế cho kỳ kiểm tra quyết toán thuế 2015 và 2016.

Số tiền: 31.015.432đ (Viết bằng chữ): Ba mươi một triệu không trăm mười lăm nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng chẵn./.

Kèm theo Quyết định xử phạt ngày 22/9/2017 của cơ quan thuế chứng từ gốc

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Biểu số 2.26

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm: 2017

ĐVT:đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số Phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Có
...
15/8	PC033	15/8	Thanh toán tiền sửa xe ô tô giao hàng	6421 111	5.000.000	5.000.000
16/8	PC034	16/8	Thanh toán tiền dầu diesel cho xe giao hàng	6421 111	1.078.636	1.078.636
...
15/9	HĐ 783	15/9	Thanh lý bộ máy tính HP	111 711 33311	1.806.636	1.642.396 164.240
...
25/9	PC042	25/9	Nộp tiền vi phạm thuế	811 111	31.015.432	31.015.432
...
			Cộng		8.772.589.631	8.772.589.631

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.27

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
25/9	PC942	25/9	Nộp tiền vi phạm thuế	111	31.015.432	
31/12	PKT161	31/12	Kết chuyển -> 911	911		31.015.432
			- Cộng số phát sinh		1.642.396	1.642.396
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

2.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh .

2.2.8.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập từ hoạt động khác} - \text{Chi phí hoạt động khác}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

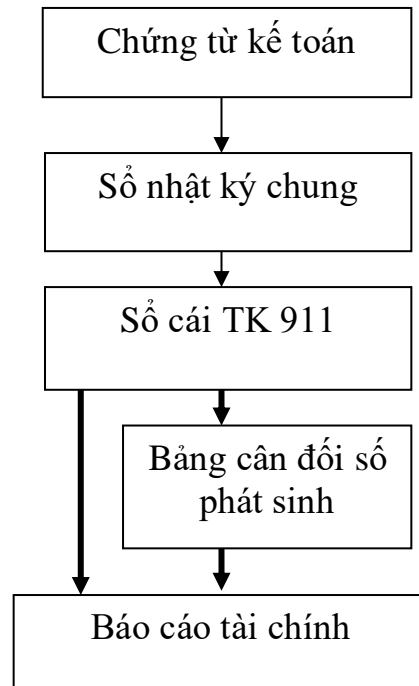
$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

2.2.8.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- Chứng từ sử dụng: các phiếu kế toán
- Tài khoản sử dụng:
 - TK911 – Xác định kết quả kinh doanh
 - TK821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - TK4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay
 - Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK911, TK821, TK421, ...

* Quy trình ghi sổ:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi cuối tháng, định kỳ —————>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

Sơ đồ 2.11: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP viễn thông di động Thông Minh

2.2.8.3. Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2017:

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{Tổng doanh thu} - \text{các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 23.800.178.399 - 0 \\ &= 23.800.178.399\text{đ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lãi gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ &= 23.800.178.399 - 21.746.974.597 = 2.053.203.802\text{đ} \end{aligned}$$

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được tập hợp và phân bổ toàn bộ cho số hàng hóa bán ra.

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận thuần} &= \text{Lãi gộp} + (\text{Doanh thu tài chính} - \text{chi phí tài chính}) - \text{chi phí} \\ &\text{quản lý kinh doanh} \\ &= 2.053.203.802 + (3.289.875 - 0) - 1.986.334.541 \\ &= 70.159.136\text{đ} \end{aligned}$$

$$\text{Lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần} + \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

$$\begin{aligned} &= 70.159.136 + (1.642.396 - 31.015.432) \\ &= 40.786.100đ \end{aligned}$$

Chi phí thuế TNDN hiện hành = $(70.159.136 + 1.642.396) \times 20\% = 14.360.306đ$

Lợi nhuận kế toán sau thuế = $40.786.100 - 14.360.306 = 26.425.794đ$

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển:

a. Nợ TK 511: 23.800.178.399

 Nợ TK 515: 3.289.875

 Nợ TK 711: 1.642.396

 Có TK 911: 23.805.110.670

b. Nợ TK 911: 23.805.110.670

 Có TK 632: 21.746.974.597

 Có TK 642: 1.986.334.541

 Có TK 811: 31.015.432

 Có TK 821: 14.360.306

 Có TK 421: 26.425.794

Biểu số 2.28

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 160

Năm 2017

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
KC doanh thu bán hàng hoá, doanh thu bán các thành phẩm, doanh thu cung cấp dịch vụ	511	911	23.800.178.399
KC doanh thu tài chính	515	911	3.289.875
KC thu nhập khác	711	911	1.642.396
Tổng			23.805.110.670

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.29

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 161

Năm 2017

Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền
	Nợ	Có	
KC giá vốn hàng bán	911	632	21.746.974.597
KC chi phí QLDN	911	642	1.986.334.541
KC chi phí khác	911	811	31.015.432
KC chi phí thuế TNDN	911	821	14.360.306
KC lãi	911	421	26.425.794
Tổng			23.805.110.670

(Nguồn: Phòng Kế toán)

Biểu số 2.30

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT160	31/12	KC doanh thu bán hàng	511		23.800.178.399
31/12	PKT160	31/12	KC doanh thu tài chính	515		3.289.875
31/12	PKT160	31/12	KC thu nhập khác	711		1.642.396
31/12	PKT161	31/12	KC giá vốn hàng bán	632	21.746.974.597	
31/12	PKT161	31/12	KC chi phí QLDN	642	1.986.334.541	
31/12	PKT161	31/12	KC chi phí khác	811	31.015.432	
31/12	PKT161	31/12	KC chi phí thuế TNDN	821	14.360.306	
31/12	PKT161	31/12	KC lãi	421	26.425.794	
			- Cộng số phát sinh		23.805.110.670	23.805.110.670
			- Số dư cuối kỳ		-	-

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2.31

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội

SỔ CÁI

Năm 2017

Tài khoản: 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			- Số dư đầu kỳ			89.733.881
			- Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT162	31/12	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2017	911		26.425.794
			- Cộng số phát sinh			26.425.794
			- Số dư cuối kỳ		-	116.159.675

(Nguồn: Phòng kế toán)

Biểu số 2. 38

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

Địa chỉ: 119 phố Thái Thịnh, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017**

Đơn vị tính: đồng

ST T	Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Năm Nay	Số Năm Trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	IV.08	23.800.178.399	27.132.850.089
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		23.800.178.399	27.132.850.089
4	Giá vốn bán hàng	11		21.746.974.597	25.273.931.815
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.053.203.802	1.858.918.274
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.289.875	998.129
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.986.334.541	1.928.091.956
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.159.136	-68.175.553
10	Thu nhập khác	31		1.642.396	57.345.455
11	Chi phí khác	32		31.015.432	60.180.200
12	Lợi nhuận khác	40		-29.373.036	-2.834.745
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	IV.09	40.786.100	-71.010.289
14	Chi phí thuế TNDN	51		14.360.306	0
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.425.794	-71.010.298

(Nguồn: Phòng kế toán)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VIỄN THÔNG DI ĐỘNG THÔNG MINH

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh

3.1.1. Ưu điểm của công ty

Qua thời gian thực tập tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh, em đã có cơ hội học tập cũng như hiểu biết thêm về công tác tổ chức kế toán trong doanh nghiệp, so sánh và đối chiếu giữa những kiến thức đã học được tại trường với thực tế trong doanh nghiệp. Trong quá trình thực tập tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của doanh nghiệp có những ưu điểm sau:

➤ Về bộ máy quản lý:

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty là tương đối phù hợp, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo quản lý chặt chẽ. Mỗi bộ phận có một chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng liên hệ mật thiết với nhau, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác và nhanh chóng cung cấp kịp thời góp phần nâng cao hiệu quả quản lý của Ban lãnh đạo công ty.

➤ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh phát hiện các nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại và cho biết nguồn tài chính hiện tại của công ty, phản ánh lên sổ sách và nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học và chặt chẽ mang lại ý nghĩa rất lớn.

➤ Các chứng từ sử dụng:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kế toán và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với nghiệp vụ kế toán phát sinh. Các chứng từ được tổng hợp và lưu trữ, bảo quản cẩn thận. Quá trình luân chuyển một cách hợp lý.

➤ Về hệ thống chứng từ, sổ sách:

Hệ thống sổ sách kế toán của công ty tương đối phù hợp với quy mô hoạt động của công ty. Hình thức Nhật ký chung được sử dụng rất phù hợp với trình độ của các nhân viên kế toán của công ty. Các chứng từ sử dụng trong công ty đều theo quy định, hướng dẫn của Bộ Tài Chính, được tuân thủ về cả nội dung, thực hiện khá rõ ràng, chi tiết, trung thực và đầy đủ. Sự luân chuyển chứng từ được sắp xếp hợp lý trong nội bộ, tạo ra sự hoạt động nhịp nhàng góp phần đạt hiệu quả về chất lượng công việc.

➤ Về việc kế toán các khoản doanh thu, chi phí tại công ty đều được ghi nhận đầy đủ và kịp thời, cuối kỳ tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2. Những mặt hạn chế trong công tác kế toán tại Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh

3.1.2.1 Về kế toán bán hàng

Các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn được theo dõi một cách tổng hợp không có sự phân bổ chi phí riêng cho từng nhóm mặt hàng, gây khó khăn trong việc xác định hiệu quả kinh doanh của từng nhóm mặt hàng và khó xác định mặt hàng chủ lực của công ty.

Nếu thực hiện mở sổ chi tiết theo dõi cho từng nhóm mặt hàng sẽ giúp công ty có được những phân tích, đánh giá kịp thời và đưa ra các quyết định đúng đắn hơn về quản lý.

3.1.2.2 Về quản lý công nợ

Do công ty có áp dụng hình thức thanh toán trả chậm nên khi khách hàng thanh toán trước thời hạn thì không được hưởng một chính sách ưu đãi nào. Ngược lại, nếu khách hàng chậm thanh toán thì công ty cũng chỉ tính với lãi suất thấp trên khoản tiền trả chậm đó, như thế sẽ dẫn đến khách hàng ỉ lại, tận dụng cái khoản phải trả đó để đầu tư ngắn hạn sinh lời cao hơn.

3.1.2.3 Về hệ thống các tài khoản chi tiết

Hệ thống TK của Công ty sử dụng được mở tuân theo quy định. Song riêng TK về hàng hóa được mở chi tiết chưa hợp lý. Bởi TK 156 được mở chi tiết thành các TK cấp 2 tương ứng với từng nhóm hàng. Trong khi công ty có rất nhiều mặt hàng, và nhóm hàng tương ứng, tương ứng sẽ có khoảng hàng trăm TK cấp 2 của TK 156. Mỗi khi có thêm mặt hàng mới công ty lại có thêm 1 nhóm hàng mới và TK cấp 2 mới. Do đó TK cấp 2 rất khó quản lý. Khi nhắc tới tên một loại hàng hóa bất kỳ khó xác định TK chi tiết của hàng hóa đó, đặc biệt với những kế toán không hiểu biết về lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông

sẽ không thể biết được hàng hóa đó thuộc nhóm hàng nào. Điều này có thể dẫn tới việc phân loại nhóm hàng sai dẫn tới nhầm lẫn trong ghi nhận doanh thu, giá vốn của từng nhóm hàng hóa. Công ty nên thay đổi cách mở TK chi tiết của TK 156.

Hiện nay việc hạch toán doanh thu của Công ty đều phản ánh vào TK 511, nên việc xác định doanh thu bán ra bên ngoài và doanh thu tiêu thụ nội bộ, doanh thu từ cung cấp dịch vụ là rất khó khăn.

3.1.2.4 Về trích lập các khoản dự phòng

Hàng năm, công ty bán ra thị trường một khối lượng sản phẩm, hàng hóa khá lớn tuy nhiên công ty vẫn còn tồn kho một lượng lớn sản phẩm nhưng chất lượng xuống cấp do điều kiện bảo quản không đáp ứng đủ tiêu chuẩn. Mặc dù vậy, công ty vẫn chưa trích lập dự phòng giảm giá cho số hàng này nên đã làm sai lệch giá trị hàng hóa còn tồn trong kho vào cuối mỗi kì kế toán

Bên cạnh đó, công ty thường bán hàng với một khối lượng lớn mà không phải khách hàng nào cũng đủ khả năng chi trả ngay một lần, các khách hàng thường trả trước một phần, phần còn lại được thanh toán sau. Do đó, công ty có thể gặp rủi ro khó thu hồi được nợ khi khách hàng gặp phải những khó khăn trong tài chính. Tuy nhiên, công ty vẫn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đề phòng trường hợp này. Do đó, ngoài việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công ty cũng nên lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

3.1.2.5 Về bộ máy kế toán

Do số lượng kế toán của Công ty còn hạn chế nên khối lượng công việc của mỗi cán bộ kế toán rất nhiều, do đó làm giảm tính hiệu quả chung của Công ty.

Trong xu thế hiện đại hoá trên mọi phương diện hiện nay, tại phòng kế toán công ty đã được trang bị máy vi tính, tuy nhiên điều này chưa đáp ứng thỏa mãn yêu cầu quản lý và quy mô của bộ máy kế toán. với việc từng bước đưa máy tính vào sử dụng công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc lập trình do khối lượng sổ sách sử dụng của hình thức kế toán này lớn. cấu tạo sổ sách phức tạp. Máy vi tính chỉ được xem như công cụ để tính toán, soạn thảo in ấn...rất lãng phí. Trong khi sự thành công trong kinh doanh phụ thuộc ngày càng nhiều vào công nghệ thông tin, vào khả năng ứng dụng của các thành tựu tin học vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, vào sự vận dụng triển khai một cách nhanh chóng những khả năng mới mà tin học mang lại.

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện và nguyên tắc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP viễn thông di động thông Minh

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí nói riêng là một trong những vấn đề quan trọng và rất cần thiết đối với các doanh nghiệp thương mại. Đặc biệt trong điều kiện cạnh tranh hiện nay giữa các doanh nghiệp thì việc tập hợp, phân loại, tính toán ghi chép đúng và đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh là không thể thiếu được. Thông qua việc thực hiện công tác kế toán một cách khoa học với hệ thống chứng từ, tài khoản, phương pháp hạch toán và sổ sách kế toán được hoàn thiện thì kế toán có thể cung cấp thông tin chính xác đầy đủ, kịp thời và toàn diện về tình hình tài sản, tiền vốn và sự vận động của tài sản tiền vốn trong doanh nghiệp. Trong tình hình thực tế hiện nay thì các báo cáo tài chính không chỉ là mối quan tâm trong nội bộ mỗi doanh nghiệp mà nó còn cung cấp thông tin cho các đối tượng ở bên ngoài doanh nghiệp để từ đó có những quyết định đúng đắn hơn cho quyết định của họ trong từng giai đoạn. Vì vậy đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải đổi mới không ngừng công tác kế toán, đặc biệt là kế toán tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý của nền kinh tế thị trường hiện nay. Có như vậy thì kết quả tiêu thụ của Công ty mới đạt hiệu quả cao.

3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán là công việc đòi hỏi phải thực hiện thường xuyên, kịp thời và cập nhật. Giúp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động và hiệu quả làm việc, đem lại lợi nhuận cho công ty.

Việc hoàn thiện công tác hạch toán kế toán dựa theo các nguyên tắc như:

- Việc hoàn thiện phải đảm bảo đúng theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và các nguyên tắc kế toán (Cơ sở thực tiễn, nguyên tắc giá gốc, nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán, nguyên tắc thận trọng, nguyên tắc trọng yếu và nguyên tắc hoạt động liên tục).

- Các thông tin kế toán tài chính trong doanh nghiệp phải đảm bảo các yêu cầu của Luật kế toán về thông tin kế toán tài chính: trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, dễ hiểu và có thể so sánh được.

- Các giải pháp hoàn thiện đưa ra phải phù hợp với đặc điểm tổ chức bộ máy cũng như tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Việc xem xét, phân tích đánh giá đúng thực trạng của doanh nghiệp sẽ giúp nhà quản trị có cái nhìn bao quát, đề ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán mang lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí, giúp nhân viên dễ dàng hơn trong công tác kế toán.

3.3. Các giải pháp hoàn thiện

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty, kết hợp với những kiến thức đã học và tích lũy của bản thân, em xin mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng tại công ty.

3.3.1. Về kế toán doanh thu

Công ty nên đẩy mạnh bán hàng, thường xuyên tìm kiếm những nguồn hàng mới, giá thành hợp lý, mẫu mã đẹp, chất lượng cao để khách hàng có thêm nhiều lựa chọn. Bên cạnh đó, Công ty cũng nên thành lập một tổ tư vấn khách hàng để chuyên đi sâu tìm hiểu và tư vấn cho khách hàng khi có bất kì thắc mắc về sản phẩm tại công ty.

Đồng thời cũng nên có những chính sách ưu tiên, Chiết khấu thương mại cho khách hàng khi mua với số lượng lớn nhằm đẩy nhanh quá trình tiêu thụ và thu hút thêm khách hàng mới, tăng doanh thu cho Công ty.

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng là phần việc cơ bản nhất bởi vì nó quyết định đến chất lượng toàn bộ công tác kế toán trong doanh nghiệp vì vậy cần thường xuyên kiểm tra các chỉ tiêu mua bán hàng hoá, chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và kết quả bán hàng, phản ánh tình hình biến động của vốn hàng hoá một cách đầy đủ cũng như tổ chức sổ kế toán chi tiết, tổng hợp khoa học để theo dõi, xác định đúng doanh thu, kết quả, ứng dụng phương pháp hạch toán là công cụ hiện đại trong quản lý. Đồng thời hoàn thiện việc lập kiểm tra và lưu chuyển chứng từ kế toán là cơ sở tổ chức đúng đắn kế toán ban đầu của cả quá trình tiêu thụ hàng hoá và kết quả tiêu thụ hàng hoá.

Về lâu dài, khi công ty phát triển hơn, công ty cần tuyển thêm kế toán viên có năng lực để giảm bớt sự kiêm nhiệm nhiều phần hành của một kế toán viên. Hiện nay, nguồn cung lao động kế toán rất dồi dào vì vậy việc tuyển chọn kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc cũng như khả năng tài chính của công ty cũng không gặp nhiều khó khăn.

Áp dụng phương pháp này công ty cần tăng cường công tác thông tin kinh tế, nắm chắc nguồn hàng, chân hàng, bạn hàng lâu dài, về thực tại và lâu dài công ty cần nâng cao trình độ cán bộ nhất là cán bộ làm công tác kinh doanh xuất nhập khẩu, tích cực tìm kiếm thị trường. Tăng cường quản lý kinh doanh ở các khâu bán hàng khoán thực hiện phương pháp hạch toán hợp lý để đạt được mục tiêu và yêu cầu tối đa.

Biện pháp trong thời gian tới Công ty cần đi sâu đánh giá, phân loại các điểm bán hàng có lợi thế để xây dựng định mức khoán cho phù hợp. Việc làm

đó phải được dựa trên cơ sở khoa học và thực tế thay đổi không ngừng của sự hình thành và dần mất đi các tụ điểm bán hàng để có kế hoạch điều chỉnh thường xuyên.

3.3.2. Về quản lý công nợ

Để việc quản lý công nợ hiệu quả, tránh trường hợp nợ đọng kéo dài, nợ khó đòi... Công ty cần thực hiện một phổ biến pháp sau:

- Xây dựng hạn mức tín dụng bao gồm:

+ Quy định về thời gian được phép nợ sau khi xuất hoá đơn là bao nhiêu ngày.
+ Đối tượng nào được phép nợ, đối tượng nào không được phép nợ phải thanh toán trước khi giao hàng.

+ Cho phép khách hàng được phép nợ tối đa bao nhiêu tiền, đối tượng nào được nợ nhiều, đối tượng nào được nợ ít, đối tượng nào không được nợ.

Vì vậy công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh cần thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả của công tác bán hàng như: Có chiết khấu thanh toán đối với khách hàng thanh toán sớm, chiết khấu thương mại đối với khách hàng mua hàng hoá với số lượng lớn.

Như vậy kế toán công ty sẽ hạch toán khi phát sinh chiết khấu như sau:

Nợ TK 635: chiết khấu thanh toán

Nợ TK 111.112: số tiền thực thu

Có TK 131: tổng giá thanh toán phải thu ở người mua

Đối với khoản chiết khấu thương mại: Đây là khoản khách hàng được hưởng khi mua hàng hoá với khối lượng lớn và đây là hình thức khuyến khích khách hàng đến với doanh nghiệp mua hàng hoá với số lượng lớn. Khi phát sinh các khoản chiết khấu thương mại kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 511

Nợ TK 3331

Có TK 111, 112, 131

Như vậy nếu công ty thực hiện bán hàng có tính đến các khoản giảm trừ một cách hợp lý thì sẽ thu hút thêm nhiều khách hàng đồng thời tính chính xác được doanh thu thuần của doanh nghiệp trong hoạt động bán hàng.

- Sát sao trong việc thu nợ: Quy định ngày gửi công văn nhắc nợ khi phát hành hóa đơn và khi nợ đến hạn. Gửi công văn đòi nợ nếu khách hàng chưa thanh toán khi nợ đến hạn, quá hạn.

3.3.3. Về hệ thống tài khoản chi tiết.

* *Quản lý các tài khoản chi phí*

Công ty đã mở nhiều tài khoản chi tiết để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp như chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng; chi phí thuê ngoài, mua

ngoài; chi phí khấu hao tài sản cố định;... nên cũng không thể tránh khỏi nhầm lẫn giữa các khoản chi với nhau. Vì vậy, kế toán phải phân loại rõ tính chất các chi phí phát sinh để hạch toán cho đúng.

Chi phí là khoản bỏ ra để thực hiện doanh thu nhưng nó lại là các khoản chi phí của công ty. Do đó, việc sử dụng tiết kiệm, hợp lý các khoản chi phí của doanh nghiệp này sẽ có ảnh hưởng lớn tới hiệu quả kinh doanh của Công ty. Trước hết cần có những giải pháp giảm những chi phí không cần thiết như: chi phí điện thoại, chi phí điện nước... tránh tình trạng sử dụng tràn lan. Đối với các chi phí hội họp, tiếp khách Công ty cần có quy định cụ thể về mức tiền được chi cho từng lần tổ chức. Phổ biến những chính sách thực hiện tiết kiệm đến từng phòng ban, yêu cầu mọi người cùng phối hợp thực hiện.

Ngoài ra, Công ty cũng phải có chế độ khen thưởng cho các nhân viên gương mẫu có thành tích tốt, có những đóng góp nhằm tạo hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc có hình thức xử phạt đối với cá nhân, bộ phận nào chưa hoàn thành tốt công việc của mình.

Xây dựng kế hoạch và dự kiến cho từng khoản chi phí sử dụng, tránh tình trạng chi phí vượt nhiều so với kế hoạch. Để có thể thực hiện tốt điều này, Công ty phải tiến hành phân công công việc hợp lý, giám sát quá trình thực hiện công việc một cách nghiêm túc. Phát sinh vấn đề nào mà cần phải tiêu tốn một khoản chi phí lớn thì nên đưa ra nhiều phương án để lựa chọn, phương án nào tiết kiệm mà đem lại hiệu quả tối ưu thì lựa chọn. Điều này giúp Công ty giảm thiểu rủi ro và tránh được sự bị động khi gặp sự cố.

** Quản lý các tài khoản doanh thu chi tiết*

Do công ty kinh doanh nhiều chủng loại sản phẩm khác nhau, nhưng chỉ hạch toán chung vào TK 511 – “Doanh thu bán hàng hóa” nên khi xác định kết quả tiêu thụ thì giá trị đó phản ánh chung tình hình tiêu thụ hàng hóa trong cả kỳ. Vì thế, công ty nên mở chi tiết theo từng mặt hàng để tiện theo dõi chủng loại nào bán chạy nhất, chủng loại nào ít được đặt hàng... từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả, tránh để xảy ra tình trạng lượng hàng tồn kho quá lớn và bị lỗi mốt.

Là khâu cuối cùng công tác hạch toán, Kế toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chính bởi vậy mà quá trình hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đòi hỏi phải chính xác, kiểm tra, rà soát cẩn thận. Nhiệm vụ của kế toán là cập nhật số liệu từ chứng từ gốc vào máy và thực hiện các bút toán kết chuyển là tự động phần mềm sẽ đưa ra các báo cáo kế toán và Sổ cái, Sổ chi tiết của các tài khoản. Nếu như chỉ cần có một sai sót nhỏ khi vào số liệu là toàn bộ

kết quả tính toán sẽ bị sai lệch so với thực tế, vì vậy yêu cầu kế toán phải có sự đối chiếu cẩn thận.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên phòng kế toán để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; mở rộng giao lưu, tạo điều kiện trao đổi những kinh nghiệm tích lũy được của bản thân cho tất cả mọi người... Mỗi cá nhân cần phải nỗ lực phấn đấu, thường xuyên trau dồi nghiệp vụ, cập nhật các chế độ kế toán mới để áp dụng hạch toán cho đúng với quy định của pháp luật.

Nếu công ty phát sinh doanh thu cho các chi nhánh hoặc cửa hàng nhận làm đại lý hưởng hoa hồng, công ty nên dùng TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Nếu phát sinh các khoản phải thu, phải trả nội bộ công ty nên dùng cho TK 136 hoặc 336.

* Nếu doanh nghiệp là đơn vị bán

- Khi xuất sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đến các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp, kế toán lập Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ hoặc hóa đơn GTGT, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ (giá vốn)

Có các TK 155, 156 (trước đây hạch toán TK 512)

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

- Khi nhận được thông báo từ đơn vị mua là sản phẩm, hàng hóa đã được tiêu thụ ra bên ngoài, đơn vị bán ghi nhận doanh thu, giá vốn:

+ Phản ánh giá vốn hàng bán, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có 136 - Phải thu nội bộ.

+ Phản ánh doanh thu, ghi:

Nợ TK 136 - Phải thu nội bộ

* Nếu doanh nghiệp là đơn vị mua hàng

- Khi nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ do đơn vị hạch toán phụ thuộc trong nội bộ doanh nghiệp chuyển đến, kế toán căn cứ vào các chứng từ có liên quan, ghi:

Nợ các TK 155, 156 (giá vốn)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

- Khi bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ ra bên ngoài, kế toán ghi nhận doanh thu, giá vốn như giao dịch bán hàng thông thường.

- Trường hợp đơn vị hạch toán phụ thuộc không được phân cấp hạch toán đến kết quả kinh doanh sau thuế, kế toán phải kết chuyển doanh thu, giá vốn cho đơn

vị cấp trên:

+ Kết chuyển giá vốn, ghi:

Nợ TK 336 - Phải trả nội bộ

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

+ Kết chuyển doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 336 - Phải trả nội bộ.

3.3.4. Về vấn đề trích lập dự phòng

** Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Trong hoạt động kinh doanh của công ty có những khoản phải thu mà người nợ khó hoặc không có khả năng trả nợ nhưng ở công ty vẫn chưa thực hiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi. Vì vậy để đề phòng việc thất thu, khi khách hàng không có khả năng thanh toán, và hạn chế việc đột biến về kết quả kinh doanh trong một số kế toán công ty cần lập dự phòng khoản thu khó đòi. Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc công ty tính trước vào chi phí quản lý doanh nghiệp một khoản chi để khi có các khoản nợ không đòi được thì tình hình tài chính của công ty không bị ảnh hưởng nhiều. Về nguyên tắc việc lập dự phòng phải thu khó đòi phải có những bằng chứng đáng tin cậy về các khoản nợ phải thu khó đòi như: khách hàng bị phá sản, hoặc không có khả năng thanh toán... công ty đã làm thủ tục đòi nợ nhiều lần mà vẫn không thu hồi được nợ. Việc lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo tài chính. Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi và việc xử lý nợ phải thu khó đòi theo quyết định của chế độ tài chính quy định doanh nghiệp, trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách hàng đang trong tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể... thì công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

**Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

Do hình thức kinh doanh của công ty thực tế hiện nay nhiều khi phải mua hàng về kho để chuẩn bị cho hoạt động phân phối lưu thông tiếp theo. Việc này không tránh khỏi sự giảm giá thường xuyên, liên tục của hàng hóa trong kho.

Vì vậy, công ty nên dự tính khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc tính trước vào giá vốn hàng bán phần giá trị bị giảm xuống thấp hơn so với giá ghi sổ của kế toán hàng tồn kho. Cuối kỳ nếu kế toán nhận thấy có bằng chứng chắc chắn về sự giảm giá thường xuyên cụ thể xảy ra trong kỳ kế toán tiến hành trích lập dự phòng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm giúp công ty bù đắp các thiệt hại thực tế xảy ra do hàng hóa tồn kho giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh giá trị thực tế thuần túy hàng tồn kho của công ty nhằm đưa ra một hình ảnh trung thực về tài sản của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Trước tiên Công ty phải ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của từng loại hàng tồn kho. Việc ước tính này dựa trên những bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính và phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện hiện có ở thời điểm ước tính.

Trên cơ sở đó doanh nghiệp xác định số dự phòng cần lập cho năm tiếp theo bằng các bước công việc sau:

- Kiểm kê số hàng tồn kho hiện có từng loại
- Lập bảng kê hàng tồn kho về số lượng và giá trị mua vào, đối chiếu với giá trị thuần có thể thực hiện được vào ngày kiểm kê – ngày cuối niên độ báo cáo.

- Tính mức dự phòng theo công thức sau

Mức trích dự phòng giảm giá HTK	=	Số lượng HTK bị giảm giá	x	(Giá trị trên sổ kế toán	-	Giá trị thuần có thể thực hiện tại thời điểm lập BCTC)
---------------------------------------	---	--------------------------------	---	--------------------------------	---	--

- Tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào bảng kê chi tiết; bảng kê này là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán.

3.3.5. Về bộ máy kế toán

- Tập trung tuyển dụng, đào tạo các nhân viên có tay nghề, trình độ, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên.

- Thường xuyên cập nhật, nâng cao hệ thống phần mềm kế toán hay máy tính sử dụng để nâng cao hiệu quả làm việc, tiết kiệm thời gian, công sức của

nhân viên.

- Tổ chức các buổi đào tạo, phổ cập mạng lưới tin học cho nhân viên để có thể áp dụng được mọi ứng dụng và lợi thế tin học mang lại.

3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cùng với các ưu và nhược điểm của Công ty thì trong quá trình tồn tại và phát triển Công ty nên ngày càng phát huy các ưu điểm đồng thời hạn chế và ngày càng khắc phục các nhược điểm của mình.

Công ty CP Viễn thông di động Thông Minh đang ngày càng trở nên vững mạnh trên thị trường. Do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán đặc biệt là kế toán tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và nằm trong khả năng của công ty.

Việc đưa thêm các tài khoản về chi phí dự phòng hàng tồn kho và nợ khó đòi tuy có làm cồng kềnh thêm bộ máy kế toán nhưng giảm tải được rất nhiều rủi ro cho chi nhánh và toàn công ty. Việc này công ty hoàn toàn có khả năng thực hiện.

Trong xu thế cạnh tranh rất gay gắt như hiện nay, một biện pháp để thu hút khách hàng và đem lại doanh thu lớn cho công ty là thực hiện chiết khấu hàng bán và giảm giá hàng bán cho khách hàng. Đặc biệt là các khách hàng thường xuyên và mua với khối lượng lớn. Chính vì thế việc thực hiện chiết khấu hàng bán và giảm giá hàng bán là rất cần thiết cho hoạt động của công ty. Tuy khi thực hiện công ty có thể giảm đi lợi nhuận trên một sản phẩm nhưng bù lại sẽ thu hút được khách hàng và tạo được độ tin cậy cũng như lòng trung thành của khách hàng đối với công ty. Điều này giúp cho công ty càng ngày càng làm ăn có lợi và phát triển. Ban quản lý của công ty hiểu rất rõ việc này và đó có những dự định theo hướng trên.

Qua quá trình thực tập tuy không dài ở công ty và với trình độ hạn hẹp của mình, em xin nêu ra một số kiến nghị và phương hướng giải pháp cho nghiệp vụ bán hàng cũng như tổ chức kế toán tại công ty. Theo em, công ty có khả năng thực hiện được tốt những ý kiến mà em đưa ra để hoàn thiện công tác hạch toán của công ty. Tuy nhiên cũng phải phụ thuộc rất nhiều vào tình hình của công ty cũng như là ban giám đốc.

Bên cạnh đó Nhà nước phải dựa vào văn bản pháp lý quyết định và hướng dẫn các tổ chức kinh tế thực hiện. Trước hết hệ thống các quy phạm pháp luật, hệ thống các văn bản phải soạn thảo và ban hành một cách thống nhất, kịp thời, đơn giản, dễ hiểu và đặc biệt là phải phù hợp với điều kiện thực tế của các doanh nghiệp hiện nay để các doanh nghiệp có thể thực hiện theo tinh thần hướng dẫn của Nhà nước.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng mong muốn được sự giúp đỡ tạo điều kiện từ phía Nhà nước để các doanh nghiệp có thể yên tâm hoạt động kinh doanh và thực hiện các quy chế của Nhà nước trong việc trình bày các thông tin tài chính.

Nhà nước cần tạo sự công bằng và bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong việc thực hiện các chính sách mà mình đã ban hành. Bên cạnh đó, cần tạo ra một chính sách rõ ràng cho các doanh nghiệp việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước. Song song với đó, Nhà nước cũng phải có chính sách kiểm tra, quản lý chặt chẽ đối với các đối tượng đó.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp là việc làm hết sức cần thiết, chiếm một vị trí quan trọng trong quá trình kinh doanh, tổ chức khâu tiêu thụ tốt mới có hy vọng vào một kết quả khả quan. Kết quả cuối cùng sẽ đánh giá được thực chất năng lực kinh doanh, khẳng định được vị thế của các doanh nghiệp. Điều đó đòi hỏi bộ máy quản lý phải có đầy đủ kiến thức tổng hợp và chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế để có thể tạo chiến lược kinh doanh lâu dài. Trong chiến lược về quản lý, kế toán giữ một vai trò hết sức quan trọng, cung cấp những thông tin cần thiết cho việc ra quyết định của Ban giám đốc. Vì vậy, việc tổ chức hạch toán khoa học và hợp lý công tác kế toán và đặc biệt là kế toán trong khâu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung của khóa luận tốt nghiệp về Cổ phần Viễn thông Di động Thông Minh. Khóa luận đã thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Về lý luận: hệ thống hoá lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Về thực tiễn: Tác giả đã đưa ra thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh.

3. Tác giả đã đưa ra 05 giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh gồm:

- Giải pháp 1 về kế toán doanh thu;
- Giải pháp 2 về công tác về quản lý nợ;
- Giải pháp 3 về hệ thống tài khoản chi tiết của công ty;
- Giải pháp 4 về công tác trích lập dự phòng;
- Giải pháp 5 về bộ máy kế toán của công ty.

Để các biện pháp được triển khai đồng bộ, hiệu quả và có tính khả thi, khóa luận đã nêu ra điều kiện để thực hiện các giải pháp trên để các giải pháp trên được thực hiện, công ty ngày càng mở rộng phát triển và chuyên nghiệp.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng trong khuôn khổ của một khóa luận tốt nghiệp, bị giới hạn trình độ và thời gian nghiên cứu, luận văn không tránh khỏi những sai sót, hạn chế.

Em kính mong các thầy giáo, cô giáo có những ý kiến đóng góp để khóa luận được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình nguyên lý kế toán, kế toán tài chính.
2. Giáo trình “Kế toán tài chính” – Học viện tài chính
Chủ biên: GS.TS. Ngô Thế Chi
TS. Trương Thị Thủy
3. Giáo trình “Kế toán quản trị” – Học viện tài chính.
Chủ biên: PGS.TS. Đào Xuân Tiên
4. Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.
5. Báo cáo tài chính năm 2015, 2016, 2017 của công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh.
6. Sổ sách, chứng từ năm 2015, 2016, 2017 của phòng Kế toán - Công ty CP Viễn thông Di động Thông Minh.